**Biểu mẫu 17**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**THÔNG BÁO**

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng**

**năm học 2017 - 2018**

1. **Khoa Kinh tế Chính trị**

| **STT** | **Nội dung** | **Hệ đào tạo chính quy** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiến sỹ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** |
| **I** | **Điều kiện tuyển sinh** | **1. Tiến sĩ Kinh tế chính trị:**  *1.1 Điều kiện về văn bằng và công trình đã công bố:* Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:  - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế chính trị loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị, ngành phù hợp hoặc ngành gần với ngành Kinh tế chính trị: Kinh tế học, Lịch sử kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Chính trị học, Luật kinh tế, Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Kinh doanh thương mại, Chính sách công, Quản lý công, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực.  - Có công trình khoa học (bài báo hoặc báo cáo) liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng kí dự tuyển với số lượng cụ thể như sau:  - Đối với người có bằng đại học (ngành Kinh tế chính trị loại giỏi trở lên) hoặc bằng thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu: tối thiểu 1 bài báo hoặc báo cáo.  - Đối với người có bằng thạc sĩ theo định hướng ứng dụng hoặc thực hành, hoặc có luận văn thạc sĩ dưới 10 tín chỉ: tối thiểu 2 bài báo hoặc báo cáo.  *1.2 Điều kiện về thâm niên công tác:* Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có ít nhất hai năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi), trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh.  **2. Tiến sĩ Quản lý Kinh tế**  2.1 Điều kiện về văn bằng và công trình đã công bố:  Người dự tuyển đáp ứng các điều kiện về văn bằng và công trình đã công bố như sau:  - Có bằng thạc sĩ định hướng nghiên cứu chuyên ngành Quản lý kinh tế hoặc ngành phù hợp hoặc ngành gần với ngành Quản lý kinh tế.  - Có bằng thạc sĩ định hướng thực hành/ứng dụng chuyên ngành Quản lý kinh tế hoặc ngành phù hợp hoặc ngành gần với ngành Quản lý kinh tế và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển;  - Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hoặc phù hợp với ngành Quản lý kinh tế. Trường hợp này thí sinh phải có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi và và phải dự tuyển theo chế độ như người chưa có bằng thạc sĩ.  - Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng *(ngành kinh tế có chuyên ngành/ hoặc định hướng chuyên sâu về quản lý kinh tế)* loại giỏi trở lên và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.  - Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng *(ngành kinh tế có chuyên ngành/ hoặc định hướng chuyên sâu về quản lý kinh tế)* loại khá và có ít nhất hai bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.  Ghi chú: Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự tuyển và được công bố trên tạp chí khoa học của Đại học Quốc gia Hà Nội, các tạp chí khoa học có uy tín cấp quốc gia, quốc tế hoặc trong tuyển tập công trình (có phản biện) của Hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế được xuất bản chính thức.  *2.2. Về thâm niên công tác:*  Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có ít nhất hai năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học), trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh. | ***1.* Thạc sỹ Quản lý kinh tế**  *1.1. Điều kiện văn bằng*  - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế chuyên ngành Quản lý kinh tế  - Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế học có định hướng chuyên sâu (chuyên ngành) Quản lý kinh tế  - Có bằng tốt nghiệp đại học nhóm Kinh tế học nhưng không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Quản lý kinh tế được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 05 học phần (15 tín chỉ).  - Có bằng tốt nghiệp đại học nhóm ngành Kinh doanh và Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm nhưng không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Quản trị kinh doanh được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 07 học phần (21 tín chỉ).  - Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành khác được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình 09 học phần (27 tín chỉ).  *1.2. Điều kiện thâm niên công tác*  Thí sinh dự thi phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực liên quan đến quản lý kinh tế, kể cả người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ dự thi) tại một trong những vị trí, lĩnh vực công tác sau đây:  - Lãnh đạo, chuyên viên, nghiên cứu viên các đơn vị có chức năng nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các chính sách quản lý kinh tế của nhà nước hoặc của các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội.  - Giảng viên giảng dạy các môn học thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.  - Lãnh đạo từ cấp phó phòng hoặc tương đương trở lên tại các tập đoàn kinh tế, các tổ chức kinh tế nhà nước và tư nhân.  **2.** **Thạc sĩ kinh tế chính trị**  *2.1**Điều kiện văn bằng*  - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế chính trị;  - Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành Kinh tế quốc tế; Tài chính – Ngân hàng; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại, Quản trị văn phòng, Quản trị nhân lực, Khoa học quản lý, Bảo hiểm, Kiểm toán, Giáo dục chính trị (chuyên ban Kinh tế chính trị)được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 05 học phần (15 tín chỉ)  - Có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy Kinh tế quốc tế; Tài chính – Ngân hàng; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại, Quản trị văn phòng, Quản trị nhân lực, Khoa học quản lý, Bảo hiểm, Kiểm toán, Giáo dục chính trị (chuyên ban Kinh tế chính trị)được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 07 học phần (21 tín chỉ):  - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác, có bằng lý luận chính trị cao cấp được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 09 môn (27 tín chỉ)  *2.2.* *Điều kiện thâm niên công tác*  - Những người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên và không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức được dự thi ngay.  - Những người có bằng tốt nghiệp đại học dưới loại khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự thi (tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi). | Những người đã tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương; đủ điểm trúng tuyển theo Quy định của Trường ĐH Kinh tế. |
| **II** | **Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được** | **1. Tiến sĩ Kinh tế chính trị**  ***1.1 Mục tiêu đào tạo:***  Chương trình thiết kế nhằm đào tạo Tiến sĩ Kinh tế chính trị có kiến thức chuyên sâu về Kinh tế chính trị học hiện đại, đặc biệt là các lý thuyết mới, các cách tiếp cận mới với những vấn đề kinh tế chính trị hiện thực: có phương pháp tư duy sáng tạo, có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề mới, đưa ra cách tiếp cận mới, cách lý giải mới dựa trên những kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị hiện đại.  ***1.2 Về kiến thức và khả năng nghiên cứu:***  - Hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu, các lý thuyết mới về kinh tế chính trị, các cách tiếp cận đa chiều về các vấn đề kinh tế chính trị hiện đại thông qua các chuyên đề nâng cao về kinh tế chính trị.  - Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn để phát hiện, tìm ra phương pháp nghiên cứu, tiếp cận mới, phân tích, đánh giá, nhận diện các mối tương quan mới, phản biện hay đề xuất các cách lý giải, giải quyết một vấn đề lý thuyết hay thực tiễn cụ thể dựa trên kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị thông qua việc hoàn thiện luận án tốt nghiệp.  ***1.3 Về kỹ năng:***  - Kỹ năng nghề nghiệp:  Hiểu và vận dụng được các kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá, dự báo, phản biện và tư vấn giải pháp cho các vấn đề kinh tế dựa trên những luận cứ chuyên sâu về kinh tế chính trị; đặc biệt, người học có thể tự nghiên cứu, tìm ra cách tiếp cận mới, tương quan mới, cách phân tích lý giải, giải quyết mới đối với các vấn đề lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế chính trị.  Hiểu và áp dụng được kỹ năng tư duy hệ thống, phương pháp liên ngành, có cách tiếp cận riêng biệt từ góc nhìn của kinh tế chính trị hiện đại;  Nắm bắt, vận dụng được kỹ năng tự nghiên cứu cao, biết tìm ra cách thức mới hay biết vận dụng các kiến thức, các kỹ năng vào nhận diện và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trên thực tế đặc biệt để chủ động đàm phán giải quyết xung đột giữa các nhóm lợi ích.  - Kỹ năng mềm:  Hiểu và vận dụng thành thạo kỹ năng nghiên cứu độc lập, tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu.  Nắm bắt và áp dụng tốt kỹ năng viết và thuyết trình, giảng giải các nghiên cứu kinh tế một cách chuyên nghiệp.  Giao tiếp tốt bằng tiếng Anh trong công việc, học tập, nghiên cứu và trao đổi (tương đương IELTS 5.5).  Biết phác thảo mô hình, phân tích định lượng dựa trên các phần mềm thống kê như SPSS, Eviews hoặc STATA...  ***1.4 Điều kiện về ngoại ngữ:***  Tương đương Chuẩn B2 của Khung tham chiếu Châu Âu chung (đối với tiếng Anh: tương đương 5.0 IELTS, hoặc 500 TOEFL) đối với chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng và chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội;  **2. Tiến sĩ Quản lý Kinh tế**  ***2.******1 Mục tiêu đào tạo***  Chương trình được thiết kế nhằm đào tạo tiến sĩ quản lý kinh tế là những người có kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế, có phương pháp tư duy khoa học, có khả năng phát hiện, phân tích đánh giá các vấn đề mới trong lĩnh vực quản lý kinh tế, có khả năng luận giải mới các kiến thức chuyên sâu, hiện đại về quản lý kinh tế.  Tiến sĩ Quản lý kinh tế là người có năng lực chuyên môn và kỹ năng nghiên cứu độc lập; có khả năng tổ chức, thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, trở thành các chuyên gia cấp cao trong việc phân tích, tư vấn, phản biện và thực thi chính sách kinh tế, các nhà hoạch định chính sách, các nhà lãnh đạo hàng đầu trong lĩnh vực kinh tế.  ***2.2 Về kiến thức***  Nghiên cứu sinh có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc nhóm chuyên ngành kinh tế và quản lý, có thể tích luỹ kiến thức để tổng hợp, phân tích, luận giải các chính sách và các hoạt động quản lý kinh tế trên cơ sở những kiến thức nền tảng và nâng cao về kinh tế học, và các vấn đề về toàn cầu hóa.  Người học làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật, phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành quản lý kinh tế và có khả năng áp dụng các kiến thức về quản lý kinh tế trong triển khai, tổng kết, đánh giá và phản biện các chính sách kinh tế của nhà nước; sử dụng các kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế trong quản lý, lãnh đạo, xây dựng và thẩm định chiến lược, kế hoạch phát triển các tổ chức kinh tế - xã hội vào hoạt động triển khai, đánh giá hoạt động quản lý kinh tế các cấp và có kỹ năng xử lý tốt các tình huống đặt ra của quản lý trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh toàn cầu ngày càng phức tạp.  ***2.3 Về kỹ năng***  - Kỹ năng nghề nghiệp  Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo. Có năng lực lập luận, tư duy theo cách tiếp cận hệ thống đối với các vấn đề về quản lý kinh tế. Có thể sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực chuyên môn.  Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề  Có năng lực áp dụng những vấn đề lý thuyết vào thực tiễn xây dựng và thực thi chiến lược, chính sách.  Có năng lực hoạch định, chuyên gia cao cấp về phản biện chiến lược, chính sách và quyết định quản lý kinh tế ở tầm vĩ mô và vi mô.  - Kỹ năng bổ trợ  Có kỹ năng tự nghiên cứu, tư vấn lãnh đạo, xử lý tình huống, ứng phó với sự thay đổi...  Có các kỹ năng làm việc nhóm (phối hợp các thành viên nhóm, lãnh đạo nhóm..); có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề ở nhiều cấp độ khác nhau.  Có năng lực sử dụng tốt các phần mềm Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và một số phần mềm thống kê trong phân tích kinh tế  Các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình các vấn đề về chính sách, chương trình hành động của các tổ chức công và tư trong quản lý kinh tế; giao tiếp được bằng tiếng Anh với trình độ tương đương bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.  Có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn  **2.4 Điều kiện về ngoại ngữ:**  Tương đương Chuẩn B2 của Khung tham chiếu Châu Âu chung (đối với tiếng Anh: tương đương 5.0 IELTS, hoặc 500 TOEFL) đối với chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng và chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội; | **1.Thạc sỹ Quản lý kinh tế**  ***1.1 Mục tiêu đào tạo:***  Đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Quản lý kinh tế định hướng thực hành giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động quản lý kinh tế, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế.  ***1.2 Về kiến thức***  Học viên có thể tích luỹ và nâng cao kiến thức chuyên môn về quản lý kinh tế để tổng hợp, phân tích, luận giải các chính sách và các hoạt động quản lý kinh tế tại đơn vị công tác và thực hành tốt các công việc cụ thể về quản lý kinh tế.  Người học có khả năng phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc trong hoạt động quản lý kinh tế, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành quản lý kinh tế vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể làm chủ và có khả năng áp dụng các kiến thức về quản lý kinh tế trong triển khai, tổng kết, đánh giá và phản biện các chính sách kinh tế của nhà nước; triển khai, đánh giá hoạt động quản lý kinh tế các cấp và có kỹ năng xử lý tốt các tình huống đặt ra của quản lý. *1.3 Về kỹ năng:* - Kỹ năng nghề nghiệp  Có năng lực lập luận, tư duy theo cách tiếp cận hệ thống, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế.  Có năng lực áp dụng những vấn đề lý thuyết vào thực tiễn xây dựng và thực thi chiến.  Có năng lực hoạch định, phát triển thành chuyên gia cao cấp về phản biện chiến lược, chính sách và quyết định quản lý kinh tế ở tầm vĩ mô và vi mô.  - Kỹ năng bổ trợ  Các kỹ năng tự nghiên cứu, tư vấn lãnh đạo, xử lý tình huống, ứng phó với sự thay đổi...  Các kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp các thành viên nhóm, lãnh đạo nhóm.  Có năng lực sử dụng tốt các phần mềm Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và một số phần mềm thống kê trong phân tích kinh tế  Các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình các vấn đề về chính sách, chương trình hành động của các tổ chức công và tư trong quản lý kinh tế;  ***1.3 Điều kiện về ngoại ngữ:***  Tương đương Chuẩn B1 của Khung tham chiếu Châu Âu chung (đối với tiếng Anh: tương đương 4.5 IELTS, hoặc 450 TOEFL)  **2.Thạc sĩ kinh tế chính trị**  ***2.1 Mục tiêu đào tạo:***  Đào tạo thạc sỹ kinh tế chính trị có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế chính trị hiện đại, có khả năng, kỹ năng làm việc trong các tổ chức kinh tế chính trị - xã hội, hệ thống cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các viện nghiên cứu và trường đại học  ***2.2 Về kiến thức***  Học viên nắm vững các kiến thức cơ sở về kinh tế chính trị, hiểu và biết vận dụng các kiến thức này thông qua các học phần như Kinh tế chính trị nâng cao, Kinh tế quốc tế nâng cao, Kinh tế chính trị so sánh, Chính sách công…  Học viên nắm vững các kiến thức chuyên sâu, các kỹ năng, phương pháp phân tích kinh tế chủ yếu để hiểu và vận dụng vào thực tiễn công việc thông qua các học phần như Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế, Môi trường và phát triển kinh tế bền vững, Khu vực kinh tế nhà nước ở Việt Nam, Chính trị học môi trường toàn cầu, Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người, Năng lực cạnh tranh quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu…  Người học làm chủ và biết sử dụng kiến thức lý thuyết, thực tiễn được trang bị để phát hiện, phân tích, đánh giá, tổng hợp, bước đầu phản biện và giải quyết một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế chính trị thông qua việc hoàn thiện luận văn tốt nghiệp.  ***2.3 Về kỹ năng:***  - Kĩ năng nghề nghiệp  Về cơ bản hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá phản biện, tư vấn giải pháp cho các vấn đề kinh tế dựa trên những luận cứ chuyên sâu về kinh tế chính trị;  Có khả năng tư duy hệ thống và phương pháp liên ngành trên cơ sở tiếp cận sâu từ góc nhìn của kinh tế chính trị;  Có khả năng tham gia tích cực vào quá trình tư vấn, tổ chức triển khai và giám sát việc thực hiện các chính sách công, các quyết định giải quyết xung đột giữa các nhóm lợi ích khác nhau trong nền kinh tế;  Có khả năng tự nghiên cứu và vận dụng các kiến thức, các kỹ năng vào nhận diện và giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trên thực tế; từng bước hình thành năng lực sáng tạo, chủ động đàm phán giải quyết xung đột giữa các nhóm lợi ích.  - Kĩ năng bổ trợ  Có kỹ năng làm việc độc lập, biết đàm phán và quản lý sự thay đổi.  Có kỹ năng viết và trình bày các báo cáo phân tích kinh tế một cách chuyên nghiệp.  Giao tiếp tốt bằng tiếng Anh trong công việc học tập và nghiên cứu.  Vận dụng thành thạo phần mềm phân tích dữ liệu SPSS, Eviews hoặc STATA...  ***2.3 Điều kiện về ngoại ngữ:***  Tương đương Chuẩn B1 của Khung tham chiếu Châu Âu chung (đối với tiếng Anh: tương đương 4.5 IELTS, hoặc 450 TOEFL) | ***1.* Cử nhân kinh tế**  ***1.1 Mục tiêu đào tạo:***  Đào tạo cử nhân kinh tế có những kiến thức cơ bản và hệ thống về kinh tế học, có những kiến thức chuyên sâu về kinh tế học thể chế và kinh tế chính trị học hiện đại; có phương pháp tư duy khoa học; có khả năng truyền đạt và vận dụng kiến thức được trang bị để tham gia nghiên cứu, giải quyết các vấn đề kinh tế; có thể tiếp tục học tập ở bậc cao hơn và tích lũy kiến thức từ hoạt động thực tiễn để trở thành các chuyên gia tư vấn, phản biện, hoạch định và thực thi chính sách kinh tế, các nhà lãnh đạo trong lĩnh vực kinh tế.  ***1.2 Về kiến thức***  - Vận dụng khối kiến thức chung của ĐHQGHN vào nghề nghiệp và cuộc sống.  - Vận dụng các kiến thức toán và khoa học tự nhiên, kiến thức cơ bản của nhóm ngành kinh tế vào giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.  - Áp dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế học, kinh tế phát triển, kinh tế chính trị học hiện đại, kinh tế công cộng, tiền tệ và ngân hàng, kinh tế quốc tế, phân tích chính sách kinh tế xã hội,... để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc.  - Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên sâu, một số kỹ năng, phương pháp phân tích về kinh tế nhất là kinh tế học thể chế và kinh tế chính trị hiện đại thông qua các môn học như kinh tế chính trị quốc tế, kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi, kinh tế chính trị Việt Nam, lợi ích kinh tế và quan hệ phân phối, các lý thuyết về thể chế kinh tế hiện đại, thể chế và tăng trưởng kinh tế,... vào thực tiễn công việc được giao.  - Vận dụng kiến thức thực tế, thực tập, cử nhân ngành kinh tế bước đầu có kiến thức thực tiễn, làm quen với các công việc trong tương lai.  - Sử dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn được trang bị để phát hiện, phân tích, đánh giá, tổng hợp, bước đầu phản biện và giải quyết một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế.  ***1.3 Về kỹ năng***  ***\****Các kỹ năng nghề nghiệp  - Bước đầu hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá phản biện, tư vấn giải pháp cho các vấn đề kinh tế dựa trên những luận cứ khoa học, khả năng tư duy hệ thống.  - Có khả năng tham gia vào quá trình tư vấn tổ chức triển khai và giám sát việc thực hiện các chính sách kinh tế, các quyết định kinh tế trong các thể chế kinh tế xã hội.  - Biết tiếp cận các vấn đề trong bối cảnh nền kinh tế mở, hội nhập kinh tế quốc tế; trong mối quan hệ với thể chế kinh tế ở Việt Nam và truyền thống văn hóa của người Việt.  - Có khả năng tự nghiên cứu và vận dụng các kiến thức, các kỹ năng vào nhận diện và giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trên thực tế; từng bước hình thành năng lực sáng tạo, phát triển nghề nghiệp trong tương lai.  \* Kỹ năng mềm  - Có kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác làm việc theo nhóm; biết thích nghi và quản lý sự thay đổi.  - Có kỹ năng giao tiếp tốt bằng văn bản nhất là các văn bản quản lý; có thể trình bày các báo cáo phân tích kinh tế.  - Giao tiếp được bằng tiếng Anh trong công việc học tập và nghiên cứu kinh tế (IELTS 4.0).  - Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng và biết sử dụng ít nhất một phần mềm xử lý dữ liệu (SPSS, Eviews, STATA...) phục vụ công tác phân tích đánh giá các vấn đề kinh tế xã hội.  ***2.4 Trình độ ngoại ngữ***  Sử dụng thành thạo các kỹ năng cơ bản (nghe, nói, đọc, viết) tiếng Anh trong giao tiếp, trong công việc (học tập và nghiên cứu chuyên ngành).  **2. Cử nhân KTCT**  ***2.1. Về kiến thức***  Sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản, hệ thống và cập nhật. Từ đó, người học có thể nhận diện được các vấn đề của Kinh tế chính trị của đtất nước và thế giới, đồng thời biết vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn.   * 1. ***Về kỹ năng***   Với những kiến thức được trang bị, người học bước đầu có được các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và dự báo về những vấn đề kinh tế cơ bản. Trên cơ sở đó, người học có thể tự nghiên cứu, bổ túc thêm để giải quyết những vấn đề kinh tế *chuyên sâu hơn.*   1. **Điều kiện về ngoại ngữ**   Sử dụng thành thạo các kỹ năng cơ bản (nghe, nói, đọc, viết) tiếng Anh trong giao tiếp, trong công việc (học tập và nghiên cứu chuyên ngành), đạt trình độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. |
| **III** | **Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học** | Nghiên cứu sinh được tham gia sinh hoạt chuyên môn thường xuyên thông qua các buổi seminar khoa học cấp khoa và cấp Trường, có cơ hội trau dồi thêm kiến thức lý thuyết và thực tiễn. | Trường Đại học Kinh tế luôn tổ chức các buổi seminar khoa học, các buổi tọa đàm, mời các chuyên gia, các nhà nghiên cứu kinh tế đến trao đổi khoa học cho học viên nhằm trang bị thêm những kiến thức thực tiễn, giúp người học hiểu thêm về các vấn đề kinh tế xã hội của Việt Nam và thế giới.  Ngoài ra, các khoa chuyên môn cũng thường xuyên tổ chức cho học viên, sinh viên các đợt thực tập thực tế tại cơ sở, giúp cho người học có thể áp dụng các kiến thức giảng dạy trong nhà trường vào thực tế | Trường Đại học Kinh tế luôn tổ chức các buổi seminar khoa học, các buổi tọa đàm, mời các chuyên gia, các nhà nghiên cứu kinh tế đến trao đổi khoa học cho học viên nhằm trang bị thêm những kiến thức thực tiễn, giúp người học hiểu thêm về các vấn đề kinh tế xã hội của Việt Nam và thế giới.  Ngoài ra, các khoa chuyên môn cũng thường xuyên tổ chức cho học viên, sinh viên các đợt thực tập thực tế tại cơ sở, giúp cho người học có thể áp dụng các kiến thức giảng dạy trong nhà trường vào thực tế |
| **IV** | **Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện** | 1. **Tiến sĩ Kinh tế chính trị**   ***Chương trình áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng và phù hợp***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHẦN 1: NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ KỸ NĂNG SỬ DỤNG NGOẠI NGỮ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN** | | | | | | 1 | SGS 5003 | Ngoại ngữ học thuật nâng cao (Tiếng Anh)  *Advanced English for specific purposes* | **4** | | | **PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN** | | | | | | **III.1** | **Các học phần bắt buộc** | | **6** | | | 2 | INE 8001 | Phương pháp nghiên cứu định lượng  *Quantitative research methods* | 2 | | | 3 | PEC 8001 | Phân tích kinh tế về các thể chế chính trị  *Economic Analysis of Political Institutions* | 2 | | | 4 | PEC 8002 | Kinh tế chính trị hiện đại  *Modern Political Economy* | 2 | | | **III.2** | **Các học phần tự chọn** | | **2** | | |  |  | Học phần tự chọn | 2 | | | **III.3** | **Các chuyên đề tiến sỹ** | | **6** | | | 7 |  | Chuyên đề tự chọn 1  *Optional topic 1* | 2 | | | 8 |  | Chuyên đề tự chọn 2  *Optional topic 2* | 2 | | | 9 |  | Chuyên đề tự chọn 3  *Optional topic 3* | 2 | | | **III.4** | **Tiểu luậntổng quan** | | **2** | | | **PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**  *(Không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo)* | | | | | | **PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ** | | | | | | 11 |  | Luận án tiến sĩ  Dissertation | | **70** | |  |  | **Tổng cộng** | | **90** |  1. **Tiến sĩ Quản lý Kinh tế**   ***Chương trình áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng và phù hợp***   | **TT** | **Mã số** | | **Học phần** | **Số tín chỉ** | | --- | --- | --- | --- | --- | | | **PHẦN 1: NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ KỸ NĂNG SỬ DỤNG NGOẠI NGỮ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN** | | | |  | | 1 | ENG 8001 | Tiếng Anh học thuật nâng cao  *Advanced English for specific purposes* | | **4** | | **PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN** | | | |  | | **II.1** | | **Các học phần bắt buộc** | | 6 | | 2 | INE 8001 | Phương pháp nghiên cứu định lượng  *Quantitative Research Methodology* | | 2 | | 3 | PEC 8006 | Các lý thuyết quản lý kinh tế hiện đại  *Modern Economic Management Theories* | | 2 | | 4 | PEC 8007 | Quản lý công trong điều kiện toàn cầu hóa *Public Management in Globalization Context* | | 2 | | **II.2** | | **Các học phần tự chọn** | | **2** | | 5 | PEC 8008 | Tư duy phản biện  *Critical Thinking* | | 2 | | PEC 8009 | Quản trị và phát triển  *Governance and Development* | | 2 | | PEC 8010 | Quản lý tri thức  *Knowledge Management* | | 2 | | **II.3** | | **Các chuyên đề tiến sĩ** | | **6** | | 6 | PEC 8003 | Chuyên đề tự chọn 1 | | 2 | | 7 | PEC 8004 | Chuyên đề tự chọn 2 | | 2 | | 8 | PEC 8005 | Chuyên đề tự chọn 3 | | 2 | | **II.4** | | **Tiểu luận tổng quan** | | 2 | | **PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**  *(Không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo)* | | | |  | | **PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ** | | | | **70** | | 9 | PEC 9001 | | Luận án tiến sĩ | **70** | | **Tổng cộng** | | | | **90** | | 1. **Thạc sĩ Quản lý kinh tế:**  | **TT** | **Mã số học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | | --- | --- | --- | --- | | | **I** | **Khối kiến thức chung** | | **4** | | 1. 1 | PHI 5002 | Triết học  *Philosoph* | 4 | | 1. 2 | ENG 5001 | Tiếng Anh cơ bản (không tính vào tổng số tín chỉ tích luỹ)  *English for General Purposes* | 4 | | **II** | **Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành** | | **47** | | ***II.1*** | ***Các học phần bắt buộc*** | | ***25*** | | 3 | PEC 6017 | Quản lý công và lãnh đạo  *Public Management and Leadership* |  | | 4 | PEC 6119 | Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển  *Poverty, Inequality and Government in Less Developed Countries* |  | | 5 | PEC 6018 | Phân tích chính sách kinh tế - xã hội  *Socio-Economic Policy Analysis* |  | | 6 | PEC 6019 | Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao  *Advanced State Management on Economy* |  | | 7 | PEC 6021 | Quản trị chiến lược trong các tổ chức công  *Strategic Management in Public Organisations* |  | | 8 | INE 6001 | Thiết kế nghiên cứu luận văn  *Dissertation Research Design* |  | | 9 | PEC 6125 | Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế  *States, Markets and International Governnance* | 3 | | 10 | FIN 6020 | Phân tích các vấn đề về tiền tệ và ngân hàng  *Analytical Issues in Money & Banking* | 2 | | 11 | PEC 6044 | Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô  *Macroeconomic Management Tools* | 3 | | ***II.2*** | ***Các học phần tự chọn*** | | 22/44 | | 12 | PEC 6024 | Toàn cầu hóa và chính sách công  *Globalisation and Public Policy* | 2 | | 13 | INE 6022 | Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế  *International Financial Policy and Issues* | 2 | | 14 | PEC 6123 | Quản lý khoa học công nghệ  *Science and Tcnology Management* | 3 | | 15 | PEC 6126 | Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn  *Social Policy: Issues and Options* | 3 | | 16 | PEC 6127 | Quản lý tài nguyên và môi trường  *Environment and Natural Resources Management* | 3 | | 17 | PEC 6128 | Những vấn đề về chính sách thị trường lao động  *Labour Market Policy Issues* | 3 | | 18 | PEC 6029 | Quản lý tài chính công  *Public Financial Management* | 3 | | 19 | PEC 6030 | Đàm phán và quản lý xung đột  *Negotiation and Conflict Management* | 3 | | 20 | FIN 6021 | Quản trị tài chính dành cho các nhà hoạch định chính sách  *Financial Management for Policy Makers* | 2 | | 21 | INE 6020 | Kinh tế học ứng dụng trong lĩnh vực công  *Applied Public Sector Economics* | 2 | | 22 | PEC 6133 | Quản lý an ninh kinh tế  *Economic Security Management* | 3 | | 23 | PEC 6132 | Phụ nữ trong quản lý tổ chức công  *Women in Public Organisational Management* | 3 | | 24 | INE 6105 | Lý thuyết kinh tế vi mô  *Microeconomics Theories* | 3 | | 25 | INE 6103 | Lý thuyết kinh tế vĩ mô  *Macroeconomics Theories* | 3 | | 26 | PEC 6042 | Quản lý kho bạc nhà nước  *The State TreasuryManagement* | 3 | | 27 | PEC 6043 | Quản lý ngân sách nhà nước  *The State budget Management* | 3 | | **IV** |  | **Luận văn thạc sỹ** | **9** | | **Tổng cộng** | | | **60** |  1. **Thạc sĩ Kinh tế chính trị**  | **TT** | **Mã học phần** | | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | | | |  | | **I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG** | | | | **4** | | 1 | PHI 5002 | | Triết học  *Philosophy* | 4 | | 2 | ENG 5001 | | Tiếng Anh cơ bản  *English for general purposes*  *(không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy)* | *4* | | **II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH** | | | | **41** | | **II.1 Các học phần bắt buộc** | | | | **21** | | 3 | INE 6001 | | Thiết kế nghiên cứu luận văn  *Dissertation Research Design* | 3 | | 4 | INE 6005 | | *Lý thuyết kinh tế vi mô*  *Microeconomic Theory* | 2 | | 5 | INE 6003 | | Lý thuyết kinh tế vĩ mô  *Macroeconomic Theory* | 2 | | 6 | PEC 6004 | | Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao  *Intermediate History of Economic Doctrines* | 3 | | 7 | PEC 6009 | | Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển  *Poverty, Inequality and Government in Less Developed Countries* | 2 | | 8 | PEC 6005 | | Kinh tế chính trị Mácxít  *Marxist Political Economy* | 3 | | 9 | PEC 6006 | | Kinh tế chính trị của sự phát triển  *Political Economy of Development* | 3 | | 10 | PEC 6007 | | Kinh tế chính trị Việt Nam  *Political Economy of Vietnam* | 3 | | **II.2 Các học phần tự chọn** | | | | **20/40** | | 11 | PEC 6001 | Chính trị và phát triển  *Politics & Development* | | 2 | | 12 | INE 6040 | Môi trường và phát triển *Enviroment and Development* | | 2 | | 13 | PEC 6003 | Công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển  *Inustrialisation in Developing Countries* | | 2 | | 14 | PEC 6008 | Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế  *Globalisation and International Political Economy* | | 2 | | 15 | PEC 1052 | Lịch sử kinh tế Việt Nam  *Vietnamese Economic History* | | 2 | | 16 | PEC 6010 | Nông nghiệp trong phát triển kinh tế  *Agriculture in Economic Development* | | 2 | | 17 | PEC 6011 | Tăng trưởng phát triển và sự chuyển đổi kinh tế  *Growth Development & Economic Transformation* | | 2 | | 18 | PEC 6013 | Kinh tế chính trị về nền kinh tế tri thức  *Politcal economy of knowledge economy* | | 2 | | 19 | PEC 6014 | Tăng trường kinh tế và phát triển con người  *Economic Growth and Human Development* | | 2 | | 20 | PEC 6024 | Toàn cầu hóa và chính sách công  *Globalisation and Public Policy* | | 2 | | 21 | PEC 6025 | Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế  *States, Markets and Interational Governnance* | | 2 | | 22 | PEC 6026 | Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn  *Social Policy: Issues and Options* | | 2 | | 23 | PEC 6028 | Những vấn đề về chính sách thị trường lao động  *Labour Market Policy Issues* | | 2 | | 24 | PEC 6023 | Quản lý khoa học công nghệ  *Sience and Tecnology Management* | | 2 | | 25 | PEC 6017 | Quản lý công và Lãnh đạo  *Public Management and Leadership* | | 3 | | 26 |  | Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao  *Advanced Socio-Economic Policy Analysis* | | 3 | | 27 | INE 6006 | Thương mại quốc tế  *International trade* | | 3 | | 28 | INE 6007 | Tài chính tiền tệ quốc tế  *International Finance Monetary* | | 3 | | **III. LUẬN VĂN THẠC SỸ** | | | | 15 | | **Tổng cộng** | | | | **60** | | | **Số**  **TT** | **Mã học phần** | **Học phần** | **Số tín**  **chỉ** | | --- | --- | --- | --- | | | **I** |  | **Khối kiến thức chung**  *(Không tính các học phần từ 9-11)* | **27** | | 1 | PHI1004 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 1  *The Fundamentals of Marxism-Leninism 1* | 2 | | 2 | PHI1005 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 2  *The Fundamentals of Marxism-Leninism 2* | 3 | | 3 | POL1001 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  *Ho Chi Minh’s Ieology* | 2 | | 4 | HIS1002 | Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam  *Revolutionary Policy of Vietnam Communist Party* | 3 | | 5 | INT1004 | Tin học cơ sở 2  *Computer Science 2* | 3 | | 6 | FLF2101 | Tiếng Anh cơ sở 1  *General English 1* | 4 | | 7 | FLF2102 | Tiếng Anh cơ sở 2  *General Engish 2* | 5 | | 8 | FLF2103 | Tiếng Anh cơ sở 3  *General English 3* | 5 | | 9 |  | Giáo dục thể chất  *Physical Education* | 4 | | 10 |  | Giáo dục quốc phòng-an ninh  *National Defense Education* | 7 | | 11 | BSA 2030 | Kỹ năng bổ trợ  *Soft skills* | 3 | | **II** |  | **Khối kiến thức theo lĩnh vực** | **10** | | 12 | MAT1092 | Toán cao cấp  *Advanced Mathematics* | 4 | | 13 | MAT1101 | Xác xuất thống kê  *Probability and Statistics* | 3 | | 14 | MAT1005 | Toán kinh tế  *Mathematics for Economists* | 3 | | **III** |  | **Khối kiến thức theo khối ngành** | **16** | | ***III.1*** |  | ***Các học phần bắt buộc*** | ***14*** | | 15 | THL1057 | Nhà nước và pháp luật đại cương  *Introduction to Government and Law* | 2 | | 16 | INE1050 | Kinh tế vi mô  *Microeconomics* | 3 | | 17 | INE1051 | Kinh tế vĩ mô  *Macroeconomics* | 3 | | 18 | BSA1053 | Nguyên lý thống kê kinh tế  *Principles of Economic Statistics* | 3 | | 19 | INE1052 | Kinh tế lượng  *Econometrics* | 3 | | ***II.2*** |  | ***Các học phần tự chọn*** | ***2/8*** | | 20 | BSA1054 | Kỹ năng làm việc theo nhóm  *Teamwork skills* | 2 | | 21 | HIS1053 | Lịch sử văn minh thế giới  *World civilization history* | 2 | | 22 | SOC1050 | Xã hội học đại cương  *Introduction to Sociology* | 2 | | 23 | PHI1051 | Logic học  *Logics* | 2 | | **IV** |  | **Khối kin thức theo nhóm ngành** | **20** | | ***IV.1*** |  | ***Các học phần bắt buộc*** | ***17*** | | 24 | BSL2050 | Luật kinh tế  *Business Law* | 2 | | 25 | INE1016 | Phương pháp nghiên cứu kinh tế  *Economic research methodology* | 3 | | 26 | INE2001 | Kinh tế vi mô chuyên sâu  *Specialized Microeconomics* | 3 | | 27 | INE200 | Kinh tế vĩ mô chuyên sâu  *Specialized Macroeconomics* | 3 | | 28 | INE2003 | Kinh tế phát triển  *Development Economics* | 3 | | 29 | PEC1050 | Lịch sử các học thuyết kinh tế  *History of Economic Theories* | 3 | | ***IV.2*** |  | ***Các học phần tự chọn*** | ***3/12*** | | 30 | BSA2001 | Nguyên lý kế toán  *Introdution to Accounting* | 3 | | 31 | BSA2103 | Nguyên lý quản trị kinh doanh  *Introduction to business management* | 3 | | 32 | BSA2002 | Nguyên lý Marketing  *Introduction to Marketing* | 3 | | 33 | BSA2004 | Quản trị học  *Principles of Management* | 3 | | **V** |  | **Khối kiến thức ngành** | **62** | | ***V.1*** |  | ***Các học phần bắ buộc*** | ***21*** | | 34 | PEC3037 | Phân tích chính sách kinh tế xã hội  *Analysis of Econnomic and Social policy* | 3 | | 35 | PEC3025 | Kinh tế chính trị học  *Political Economics* | 3 | | 36 | FIB2002 | Kinh tế công cộng  *Public Economics* | 3 | | 37 | INE2020 | Kinh tế quốc tế  *International Eonomics* | 3 | | 38 | FIB2001 | Kinh tế tiền tệ - ngân hàng  *Monetary and Banking Economics* | 3 | | 39 | INE2004 | Kinh tế môi trường  *Environment Economics* | 3 | | 40 | PEC1061 | Lịch sử kinh tế  *Economic History* | 3 | | ***V.2*** |  | ***Các học phần tự chọn theo nhóm*** | ***30/51*** | | ***V.2.1.1*** |  | ***Các học phần chuyên sâu về kinh tế ọc thể chế*** | ***12*** | | 41 | INE2014 | Kinh tế học thể chế  *Institutional Economics* | 3 | | 42 | PEC3026 | Kinh tế học về chi phí giao dịch  *Transaction Cost Economics* | 3 | | 43 | PEC3027 | Chính phủ và chính sách công  *Government and Pulic Policy* | 3 | | 44 | PEC3028 | Thể chế kinh tế Việt Nam  Vietnamese *Economic Institutions* | 3 | | ***V.2.1.2*** |  | ***Các học phần chuyên sâu về kinh tế chính trị*** | ***12*** | | 45 | PEC3008 | Kinh tế chính trị quốc tế  *International Political Economy* | 3 | | 46 | PEC2009 | Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi  *Political Econmy of Transitional Economies* | 3 | | 47 | PEC3018 | Lợi ích kinh tế và quan hệ phân phối  *Economic Benefits and Distributive Ralations* | 3 | | 48 | PEC3029 | Những vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam  *Political Economy Issues in Vietnam* | 3 | | ***V.2.2*** |  | ***Các học phần bổ trợ*** | ***18/27*** | | 9 | PEC3030 | Thể chế chính trị thế giới  *The world Political Institutions* | 3 | | 50 | PEC3031 | Mô hình nhà nước phúc lợi  *Models of Welfare State* | 3 | | 51 | PEC3034 | Nông nghiệp, nông dân và nông thôn  *Agriculture, farmers and rural areas* | 3 | | 52 | PEC3042 | Kinh tế chính trị Mỹ  *merican Political Economy* | 3 | | 53 | PEC3033 | Kinh tế học về những vấn đề xã hội  *The Economics of Social Issues* | 3 | | 54 | PEC3015 | Mô hình kinh tế thị trường ở Việt Nam  *The model of Market Economy in Vietnam* | 3 | | 55 | PEC3040 | Kinh tế chính trị về cải cách kinh tế ở Trung Quốc  *Political Economy of Economic reform in China* | 3 | | 56 | PEC3041 | Kinh tế chính trị về phát triển kinh tế xã hội Nhật Bản  *Political Economy of social and economic development in Japan* | 3 | | 57 | PEC3043 | Kinh tế chính trị về nền kinh tế khu vực Đông Nam Á  *Poltical Economy of South East Economy* | 3 | | ***V.3*** |  | ***Thực tập thực tế và niên luận*** | ***5*** | | 58 | PEC4011 | Thực tập thực tế  *Internship* | 2 | | 59 | PEC4050 | Niên luận  *Essay* | 3 | | ***V.4*** |  | ***Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp*** | ***6*** | | 60 | PEC4012 | Khoá luận tốt nghiệp  *Thsis* | 6 | | 61 | PEC3032 | Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế  *Globalisation and Economic Development* | 3 | | 62 | PEC2002 | Quản lý nhà nước về kinh tế  *The State’s Economic Management* | 3 | |  |  | **Cộng** | **135** | |
| **V** | **Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường** |  | 1. **Thạc sĩ Quản lý kinh tế:**   Thạc sỹ quản lý kinh tế theo định hướng sau khi tốt nghiệp có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ và tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc học tiến sĩ khi đáp ứng đủ các điều kiện xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.   1. **Thạc sĩ Kinh tế chính trị**   Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể học bổ sung một số nội dung chuyên môn kinh tế chính trị và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập ở bậc tiến sỹ chuyên ngành kinh tế, để trở thành các chuyên gia phân tích, các nhà lãnh đạo kinh tế, các giảng viên cao cấp về kinh tế chính trị. | Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Kinh tế có thể tiếp tục học tập ở các bậc đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ |
| **VI** | **Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ** | **1.Tiến sĩ Kinh tế Chính trị**  ***Nhóm 1***: Chuyên gia phân tích, tư vấn về kinh tế:  Tiến sỹ kinh tế chính trị có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng và khả năng tư duy độc lập để có thể làm việc với tư cách là các chuyên gia có trình độ cao trong việc phân tích đánh giá, phản biện và tư vấn, hoạch định chính sách công; chuyên gia tư vấn giám sát việc triển khai các quyết định quản lý... trong nhiều tổ chức kinh tế xã hội mang tính liên ngành; các tổ chức tư vấn kinh tế, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế quốc tế tại Việt Nam;  ***Nhóm 2***: Nghiên cứu viên và giảng viên kinh tế có trình độ cao:  Tiến sỹ kinh tế chính trị có khả năng tự nghiên cứu và giảng dạy có chất lượng cao, sáng tạo tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học khối ngành kinh tế; có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp tham gia nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề kinh tế chính trị hiện đại, kinh tế chính trị quốc tế; các lý thuyết và phương pháp tiếp cận kinh tế chính trị ...  Tiến sỹ kinh tế chính trị có khả năng tự nghiên cứu và giảng dạy có chất lượng cao, sáng tạo tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học khối ngành kinh tế; có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp tham gia nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề kinh tế chính trị hiện đại, kinh tế chính trị quốc tế; các lý thuyết và phương pháp tiếp cận kinh tế chính trị ...  **2. Tiến sĩ Quản lý Kinh tế**  ***Nhóm 1*:** Cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, bộ, ngành: có năng lực hoạch định, triển khai các chính sách kinh tế ở cả cấp độ vĩ mô và vi mô vào thực tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế. Đây chính là nguồn nhân lực quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế của Việt Nam trong quá trình đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.  ***Nhóm 2***: Cán bộ quản lý kinh tế cấp cao tại các tổ chức, doanh nghiệp: Có kỹ năng triển khai các công cụ quản lý kinh tế vào thực tiễn, trên cơ sở thực thi quản lý, có thể đánh giá và phản biện các chính sách kinh tế của nhà nước, các chương trình, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế của các tổ chức kinh tế công và tư, góp phần giúp các cơ quan nhà nước thực thi quản lý kinh tế ngày càng hiệu quả hơn  ***Nhóm 3:*** Các chuyên gia tư vấn cao cấp thực thi chính sách cho các doanh nghiệp, cơ quan quản lý:Có kỹ năng phân tích chính sách, trên cơ sở đó tư vấn giúp các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước thực hiện đúng các chủ trương, chính sách kinh tế của nhà nước.  ***Nhóm 4:*** Nghiên cứu viên và giảng viên về Quản lý kinh tế: Có khả năng thực hiện các đề tài/chương trình nghiên cứu về quản lý kinh tế trong các viện nghiên cứu; có thể giảng dạy chuyên ngành quản lý kinh tế bậc đại học và sau đại học tại các trường đại học, các cơ sở đào tạo thuộc nhóm ngành kinh tế và quản lý. | **1. Thạc sĩ Quản lý kinh tế:**  ***Nhóm 1:*** Cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, bộ, ngành và địa phương: có năng lực hoạch định, triển khai các chính sách kinh tế ở cả cấp độ vĩ mô và vi mô vào thực tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế. Đây chính là một nguồn nhân lực quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế của Việt Nam trong quá trình đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.  ***Nhóm 2:*** Nhà quản lý kinh tế tại các tổ chức, doanh nghiệp:Có kỹ năng triển khai các công cụ quản lý kinh tế vào thực tiễn, trên cơ sở thực thi quản lý, có thể đánh giá và phản biện các chính sách kinh tế của nhà nước, các chương trình, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế của các tổ chức kinh tế công và tư, góp phần giúp các cơ quan nhà nước thực thi quản lý kinh tế ngày càng hiệu quả hơn  ***Nhóm 3:*** Các chuyên gia tư vấn thực thi chính sách cho các doanh nghiệp, cơ quan quản lý: Có kỹ năng phân tích chính sách, trên cơ sở đó tư vấn giúp các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước thực hiện đúng các chủ trương, chính sách kinh tế của nhà nước.  **2. Thạc sĩ Kinh tế chính trị:**  ***Nhóm 1:*** Chuyên viên phân tích, tư vấn về kinh tế: Có đủ năng lực chuyên môn để làm việc tại các tổ chức kinh tế chính trị xã hội mang tính liên ngành; các tổ chức tư vấn kinh tế, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các thể chế kinh tế quốc tế tại Việt Nam; có thể trở thành các chuyên viên phân tích đánh giá, phản biện, tư vấn và hoạch định chính sách công; chuyên viên tư vấn giám sát việc triển khai các quyết định quản lý...; triển vọng có thể trở thành các chuyên gia phân tích chính sách, các nhà tư vấn và quản lý kinh tế cấp cao.  ***Nhóm 2:*** Nghiên cứu viên và giảng viên kinh tế: Có năng lực nghiên cứu và giảng dạy tại các viện nghiên cứu, các trường đại học khối ngành kinh tế; có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên tham gia nghiên cứu, đề xuất các luận thuyết khoa học mới và giảng dạy các vấn đề kinh tế theo các cách tiếp cận mới, đặc biệt là về các lĩnh vực kinh tế chính trị hiện đại, kinh tế chính trị quốc tế; phân tích và hoạch định chính sách công...; triển vọng có thể trở thành các nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp về kinh tế. | **1. Cử nhân KT:**  **Nhóm 1:** Chuyên viên phân tích, tư vấn về kinh tế: Có đủ năng lực để làm việc tại các tổ chức kinh tế chính trị xã hội mang tính liên ngành; các tổ chức tư vấn kinh tế, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các thể chế kinh tế quốc tế tại Việt Nam; có thể đảm nhiệm các công việc như trợ lý phân tích, phản biện và hoạch định chính sách kinh tế; trợ lý tư vấn giám sát việc triển khai các quyết định quản lý...; triển vọng có thể trở thành các chuyên gia phân tích chính sách, các nhà tư vấn chuyên nghiệp, các nhà quản lý kinh tế.  **Nhóm 2:** Nghiên cứu viên và giảng viên kinh tế: Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học khối ngành kinh tế; có thể đảm nhiệm các công việc như tham gia nghiên cứu các vấn đề kinh tế, đặc biệt là kinh tế chính trị hiện đại, kinh tế học thể chế; trợ giảng và giảng dạy các môn kinh tế học, kinh tế chính trị quốc tế, các lý thuyết về thể chế kinh tế...; triển vọng có thể trở thành các nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp về kinh tế học. |

**2.Khoa Kinh té Phát triển**

| STT | Nội dung | **Trình độ đào tạo** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** |
| **Chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | - Đối tượng dự thi: thí sinh có trình độ tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh hàng năm đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh của ĐHQGHN, trường Đại học Kinh tế và ngành Kinh tế Phát triển - Kế hoạch và Hình thức tuyển sinh: theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Quốc Gia Hà Nội và Trường Đại học Kinh tế |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | Mục tiêu chung  Đào tạo cử nhân trong lĩnh vực kinh tế phát triển; có khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề về kinh tế phát triển mang tính liên ngành trong các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức phát triển, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở nghiên cứu; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành chuyên gia phân tích, nhà hoạch định chính sách, nhà lãnh đạo trong lĩnh vực kinh tế phát triển.  Về kiến thức  • Vận dụng khối kiến thức chung của ĐHQGHN vào nghề nghiệp và cuộc sống.  • Vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kiến thức cơ bản của nhóm ngành Kinh tế và Kinh tế Phát triển vào việc tìm hiểu, nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo  • Vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế phát triển để luận giải các vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế.  • Vận dụng được các kiến thức sâu về chuyên ngành như Kinh tế học và kinh tế lượng nâng cao, Đánh giá tác động môi trường, Lựa chọn công cộng và Hoạch định chính sách phát triển ... để phân tích, đánh giá các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng và thực hiện chính sách tăng trưởng, quản lý môi trường, an sinh xã hội ... nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.  • Vận dụng kiến thức thực tế, thực tập, cử nhân Kinh tế Phát triển bước đầu có kiến thức thực tiễn, làm quen với các công việc trong tương lai.  • Sử dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn được trang bị để phân tích, tổng hợp và giải quyết một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực Kinh tế phát triển.  Về kỹ năng  \* Kỹ năng nghề nghiệp  • Có khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, phát hiện, nghiên cứu và phân tích các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế phát triển.  • Có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh và bối cảnh tổ chức trong lĩnh vực Kinh tế phát triển để thành công trong công việc.  • Có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; bước đầu hình thành năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp.  \* Kỹ năng mềm  • Có khả năng làm việc độc lập dưới áp lực về thời gian và khối lượng công việc; có khả năng vận hành và làm việc nhóm hiệu quả để hoàn thành công việc đúng kế hoạch.  • Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và văn bản; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail), giao tiếp được bằng tiếng Anh với trình độ tương đương IELTS 4.0 trở lên.  • Có thể dùng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và phần mềm thống kê (SPSS, EViews, STATA …) trong phân tích vấn đề liên quan; có thể dùng internet và các thiết bị văn phòng. |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | Cố vấn học tập  Hội sinh viên  Đoàn thanh niên |
| IV.Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện | | | | |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | -Có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  |  | Nhóm 1  \* Chuyên viên tư vấn, phân tích chính sách về kinh tế phát triển:  Có đủ năng lực làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp trung ương và địa phương; có thể đảm nhận các công việc cụ thể: Phân tích thực trạng, đánh giá tác động của tăng trưởng và phát triển kinh tế; tham gia lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; có thể tư vấn giải pháp, chính sách phục vụ cho phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực chính sách công và phát triển bền vững; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn, cán bộ hoạch định chính sách và cán bộ quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước.  Nhóm 2  \* Cán bộ dự án:  Có đủ năng lực làm việc tại các dự án phát triển, các tổ chức phát triển và các doanh nghiệp; có thể đảm nhận được các công việc cụ thể: Phân tích thực trạng kinh tế - xã hội của cộng đồng, quốc gia; tham gia lập kế hoạch và thực hiện dự án phát triển; tổng hợp, nghiên cứu, phân tích và tham gia hoạch định chính sách phát triển; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia, cán bộ quản lý tại các dự án, các tổ chức phát triển.  Nhóm 3  \* Nghiên cứu viên và giảng viên:  Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận được các công việc cụ thể: giảng dạy các môn liên quan đến Kinh tế học, Kinh tế phát triển, Kinh tế môi trường và Chính sách công..; nghiên cứu, tư vấn về kinh tế và kinh tế phát triển, chính sách công, kinh tế môi trường, phát triển bền vững; triển vọng trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia nghiên cứu, giảng viên cao cấp và cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục đào tạo và cơ sở nghiên cứu |

1. **Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế**

| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** |
| **Chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | ***Điều kiện về văn bằng và công trình đã công bố:***  Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:  - Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành đúng, ngành/chuyên ngành phù hợp hoặc ngành/chuyên ngành gần với ngành/chuyên ngành đăng kí dự tuyển;  - Có công trình khoa học (bài báo hoặc báo cáo) liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện, có mã số xuất bản ISBN trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng kí dự tuyển với số lượng cụ thể như sau:  + Đối với người có bằng đại học chính quy (ngành đúng loại giỏi trở lên) hoặc bằng thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu: tối thiểu 1 bài báo hoặc báo cáo khoa học.  + Đối với người đã có bằng thạc sĩ nhưng hoàn thành luận văn thạc sĩ với khối lượng học tập dưới 10 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ thì phải có tối thiểu 2 bài báo hoặc báo cáo khoa học.  ***Điều kiện về thâm niên công tác:***  Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có ít nhất hai năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự tuyển), trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh.  ***Danh mục các chuyên ngành phù hợp, chuyên ngành gần:***  - Chuyên ngành Kinh tế quốc tế: Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kinh doanh thương mại, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Kế toán - Kiểm toán, Bảo hiểm. | ***Điều kiện về văn bằng***  - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế quốc tế hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế quốc tế;  - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Kinh tế Quốc tế: Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh thương mại, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 05 môn (15 tín chỉ)  ***Điều kiện về thâm niên công tác:***  - Những người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên và không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức được dự thi ngay.  - Những người có bằng tốt nghiệp đại học dưới loại khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự thi (tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến hết ngày đăng ký dự thi). | Người học hết chương trình THPT và tốt nghiệp THPT trong năm ĐKDT; người đã tốt nghiệp THPT; người đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề và có bằng tốt nghiệp THPT; người tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành chương trình giáo dục THPT không trong thời gian bị kỷ luật theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT).  ***4.1. Xét tuyển thẳng và xét tuyển học sinh THPT chuyên thuộc ĐHQGHN***  - Đối tượng: Học sinh THPT chuyên thuộc ĐHQGHN được xét tuyển thẳng và xét tuyển vào bậc đại học tại Trường ĐH Kinh tế phải đỗ tốt nghiệp THPT, có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau: (1) Là thành viên chính thức đội tuyển dự kỳ thi Olympic hoặc các cuộc thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế; (2) Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN; (3) Đạt giải chính thức trong kỳ thi Olympic chuyên Khoa học tự nhiên bậc THPT được tổ chức hàng năm; (4) Là thành viên chính thức của đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật quốc gia; (5) Đạt danh hiệu học sinh giỏi từng năm học trong cả 3 năm THPT và có tổng điểm 4 bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT đạt tối thiểu 28,0 điểm trong đó không có điểm bài thi/môn thi nào dưới 5,0 điểm;  ***Xét tuyển diện Ưu tiên xét tuyển***  - Đối tượng: Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán học, Vật Lý, Hóa học, Tin học, Tiếng Anh, Địa lý, Lịch sử, Ngữ văn và đã tốt nghiệp THPT, có kết quả thi đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN quy định.  ***Xét tuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học:***  - Đối tượng học sinh được tiếp nhận: Trường Đại học Kinh tế chỉ nhận các học sinh có kết quả thi THPT quốc gia năm 2017 thuộc một trong các tổ hợp sau: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01); Toán, Vật lý, Hóa (A00); Ngữ văn, Toán, Địa lý (C04); Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01).  ***Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực(ĐGNL) do ĐHQGHN tổ chức:***  - Đối tượng: Thí sinh sử dụng kết quả thi ĐGNL còn hạn sử dụng đạt từ 70,0/140,0 điểm trở lên và chưa nhập học vào bất kỳ đơn vị đào tạo nào của ĐHQGHN được đăng ký xét tuyển (ĐKXT).  ***Xét tuyển Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; gọi tắt là chứng chỉ A-Level).***  - Đối tượng: Thí sinh sử dụng chứng chỉ A-level để tổ hợp kết quả 3 môn thi theo các khối thi quy định của ngành đào tạo tương ứng. Mức điểm mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60) mới đủ điều kiện đăng ký xét tuyển.  ***Xét tuyển kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ):***  - Đối tượng: Thí sinh đạt điểm từ 1100/1600 hoặc 1450/2400 trở lên (Trường ĐH Kinh tế nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh có kết quả SAT trong khoảng thời gian 05 năm kể từ ngày dự thi). |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | **1. Về kiến thức**  ***1.1. Kiến thức chung trong ĐHQGHN (đối với NCS từ cử nhân)***  Khối kiến thức chung gồm các môn lí luận chính trị (Triết học) và Ngoại ngữ cơ bản, giúp học viên có nền tảng về ngoại ngữ và phương pháp luận trong việc nhìn nhận, phân tích, đánh giá các hiện tượng và quá trình kinh tế.  ***1.2. Kiến thức nhóm chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)***  Khối kiến thức nhóm chuyên ngành gồm các học phần bổ sung, nâng cao kiến thức cơ sở và liên ngành, giúp cho NCS có thể phát triển năng lực và kĩ năng sử dụng ngoại ngữ thông qua hoạt động chuyên môn (Ngoại ngữ học thuật).  ***1.3. Kiến thức chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)***  Khối kiến thức chuyên ngành gồm những học phần chuyên sâu cho chuyên ngành kinh tế quốc tế.  ***1.4. Kiến thức học phần và chuyên đề tiến sĩ***  - Tổng hợp, phân tích và luận giải các vấn đề kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế một cách khoa học.  - Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng trong nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế, đưa ra các giải pháp và kiến nghị.  ***1.5. Yêu cầu đối với luận án***  ***-***Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội.  - Luận án có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án bao gồm các phần và chương sau:  + Phần mở đầu: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lí do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;  + Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;  + Nội dung, kết quả nghiên cứu (một hoặc nhiều chương): trình bày cơ sở lí thuyết, lí luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và bàn luận.  + Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;  + Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;  + Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án và Phụ lục của luận án (nếu có).  ***1.6. Yêu cầu về số lượng và chất lượng của công trình khoa học sẽ công bố***  **-**Trước khi đăng ký bảo vệ Luận án cấp cơ sở, NCS. phải có tối thiểu 2 bài báo đã được đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành thuộc danh mục các Tạp chí được tính điểm công trình theo quy định của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước. Nội dung bài báo phải phù hợp với định hướng nghiên cứu của đề tài Luận án.  **2. Về kĩ năng**  ***2.1. Kĩ năng cứng***  - Phát hiện, phân tích, đánh giá, dự báo, phản biện và tư vấn giải pháp cho các vấn đề kinh tế quốc tế dựa trên những kiến thức chuyên sâu về kinh tế quốc tế.  - Tự nghiên cứu, tìm ra cách tiếp cận mới, tương quan mới, phân tích lý giải mới đối với các vấn đề lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.  - Tư duy hệ thống, phương pháp nghiên cứu liên ngành, có cách tiếp cận riêng biệt từ góc nhìn của kinh tế quốc tế hiện đại.  -  Nghiên cứu độc lập hay tổ chức nhóm nghiên cứu, tìm ra cách thức mới hay vận dụng các kiến thức, các kỹ năng vào nhận diện và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề kinh tế quốc té hiện đại.  - Viết hoặc thuyết trình một cách chuyên nghiệp và khoa học các công trình nghiên cứu cứu chuyên sâu về kinh tế quốc tế.  ***2.2. Kĩ năng mềm***  NCS tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế quốc tế có các kĩ năng cơ bản như sau:  -  Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu.  -  Có kỹ năng viết và thuyết trình, lý giải các nghiên cứu kinh tế một cách chuyên nghiệp.  - Tiếng Anh đạt Chuẩn B2 của Khung tham chiếu Châu Âu chung tương đương 5.0 IELTS, hoặc 500 TOEFL.  -  Sử dụng thành thạo phương pháp nghiên cứu định lượng dựa trên các phần mềm như SPSS, Eviews hoặc STATA...  **3. Về phẩm chất đạo đức:**  ***3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân***  - Bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đương đầu với rủi ro, có tinh thần tự tôn, linh hoạt và sáng tạo.  ***3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp***  - Đam mê nghiên cứu, khám phá kiến thức và có trách nhiệm trong công việc, thích ứng với môi trường kinh tế quốc tế thường xuyên biến động.  ***3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội***  - Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng và vì cộng đồng | **2.1. Mục tiêu chung**  Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế quốc tế theo định hướng ứng dụng trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, nhằm phát triển kĩ năng lãnh đạo quản lí và tư duy, rèn luyện khả năng xử lí các tình huống thực tiễn trong công việc; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo trong các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, cũng như có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn.  **2.2. Mục tiêu cụ thể**  Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế quốc tế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu để tác nghiệp trong các lĩnh vực cụ thể của thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế, chuỗi cung ứng và logistics; nâng cao kĩ năng lãnh đạo quản lí và tư duy, rèn luyện khả năng xử lí các tình huống thực tiễn cũng như ứng dụng và phát huy có hiệu quả kiến thức chuyên ngành kinh tế quốc tế vào việc thực hiện các công việc cụ thể như phân tích, tư vấn chính sách; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế, chuỗi cung ứng và logistics, phù hợp với điều kiện thực tế tại các các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các doanh nghiệp trong và ngoài nước; có thể học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn nếu có ít nhất hai bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế.   1. **Về kiến thức**   ***1.1. Kiến thức chuyên môn***  *1.1.1. Kiến thức chung*  Người học có được thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin; Làm chủ được những kiến thức cơ bản của khối ngành kinh tế - quản trị kinh doanh, kiến thức của nhóm ngành kinh tế, cũng như kiến thức liên ngành và sử dụng được những kiến thức nói trên cho các công việc cụ thể tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức.  *1.1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành*  - Người học làm chủ được những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các hoạt động thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế, quản trị chuỗi cung ứng và logistics, vận dụng kiến thức đã được học trong các điều kiện làm việc thực tế của các cơ quan, đơn vị, tổ chức.  - Có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động tư vấn, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, quản trị tài chính quốc tế, quản trị chuỗi cung ứng và logistics.  - Phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại tại các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.  *1.1.3. Yêu cầu đối với luận văn*  - Trên cơ sở tổng hợp, hệ thống hóa, luận giải các vấn đề lý thuyết, luận văn phải đưa ra một cách tiếp cận mới, chỉ ra được những đóng góp mới trong lĩnh vực kinh tế quốc tế. Luận văn phải phát hiện và tập trung giải quyết được một hoặc một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế như thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, kinh doanh quốc tế, từ đó đề xuất giải pháp hoặc kiến nghị giúp giải quyết vấn đề đưa ra, các giải pháp phải chứng tỏ quan điểm của cá nhân học viên và có tính khả thi.  - Dung lượng và hình thức trình bày của luận văn theo quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.  - Kết quả nghiên cứu của luận văn được khuyến khích trích đăng trên các tạp chí khoa học thuộc Danh mục Tạp chí khoa học chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước. Trong trường hợp kết quả luận văn được trích đăng trên các tạp chí thuộc Danh mục trên trước khi học viên bảo vệ luận văn, điểm đánh giá luận văn của học viên sẽ được cộng từ 0,5 đến 1,0 điểm tùy theo mức điểm công trình tối đa của tạp chí trong Danh mục trên.  ***1.2*. *Năng lực chuyên môn***  - Có năng lực tác nghiệp trong các lĩnh vực cụ thể của thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế và chuỗi cung ứng và logistics.  - Có năng lực thực hiện các công việc cụ thể như phân tích, tư vấn chính sách, tư vấn, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế, chuỗi cung ứng, phù hợp với điều kiện thực tế tại các các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các doanh nghiệp trong và ngoài nước.  - Phát hiện và phân tích được các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức, triển khai các hoạt động trong lĩnh vực quốc tế và ứng dụng các kiến thức chuyên môn hiện đại một cách có hệ thống để giải quyết các vấn đề phát sinh đó.  ***1.3. Trình độ ngoại ngữ***  - Chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành kinh tế quốc tế định hướng ứng dụng tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.  - Có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh với trình độ tương đương mức B1 hoặc bậc 3/6 của khung tham chiếu Châu Âu.  **2. Về kỹ năng**  ***2.1. Kỹ năng nghề nghiệp***  - Phân tích, đánh giá và dự báo một cách khoa học về những thay đổi của môi trường kinh tế vĩ mô để từ đó có thể đưa ra các quyết định đúng đắn và phù hợp trong việc thực hiện các dự án trong lĩnh vực kinh tế quốc tế một cách có hiệu quả.  - Vận dụng linh hoạt và sáng tạo các kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn, có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp.  - Kỹ năng tự đào tạo để thích ứng với những yêu cầu đa dạng của thực tiễn công tác.  - Có kỹ năng lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm soát các nguồn lực trong tổ chức để đưa ra quyết định đạt được mục tiêu trong môi trường làm việc luôn thay đổi.  ***2.2. Kĩ năng bổ trợ***  - Làm việc độc lập và tự khám phá.  - Quản lý nhóm và lãnh đạo nhóm hiệu quả.  - Lập kế hoạch và thực hiện các dự án quốc tế một cách hiệu quả.  - Kỹ năng giao tiếp và thương lượng, đàm phán hiệu quả.  - Giải quyết tốt các mối quan hệ cá nhân trong tổ chức.  - Ủy quyền và thực hiện ủy quyền hiệu quả.  - Có thể giao tiếp bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn với trình độ tối thiểu tương đương Chuẩn B1 của Khung tham chiếu Châu Âu  - Có thể sử dụng thành thạo các phần mềm tin học phục vụ công tác chuyên môn (Excel, EViews, SPSS...).  **3. Về phẩm chất đạo đức**  ***3.1. Trách nhiệm công dân***  Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, làm việc với tinh thần kỷ luật cao và có tinh thần hướng về cộng đồng và vì cộng đồng. Tham gia công tác xã hội, đoàn thể.  3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ  - Có các phẩm chất đạo đức cá nhân như bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đương đầu với rủi ro, có tinh thần tự tôn, linh hoạt và sáng tạo.  - Trung thực, thẳng thắn, khách quan trong công việc. Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm để giải quyết vấn đề thực tiễn đạt hiệu quả cao.  ***3.3.Thái độ tích cực, yêu nghề***  Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như đam mê với công việc và có trách nhiệm trong công việc, thích ứng với môi trường đa văn hóa.  **4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**  - Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế quốc tế, cũng như đề xuất những sáng kiến có giá trị trong quá trình thực thi công việc;  - Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc đa văn hóa, cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn.  - Đưa ra được những kết luận để giải quyết các vấn đề phức tạp trong quá trình thực thi các công việc trong lĩnh vực kinh tế quốc tế và kinh doanh quốc tế. Tổ chức triển khai các dự án về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, chuỗi cung ứng, logistics.  - Có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; thực hiện công việc chuyên môn.  - Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn trong công việc.. | 2.3. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo cử nhân Chất lượng cao ngành kinh tế quốc tế  Mục tiêu của Chương trình là đào tạo cử nhân trong lĩnh vực kinh tế quốc tế có chất lượng cao, có năng lực tổng hợp, phân tích và trợ giúp hoạch định, tổ chức và thực thi các chính sách, cũng như lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư nước ngoài tại các cơ quan chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các tập đoàn, tổng công ty hay doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài; có năng lực tham gia nghiên cứu và trợ giảng tại các cơ sở nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đại học; có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế và các lĩnh vực liên quan.  2.4. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành Kinh tế quốc tế  2.4.1. Về kiến thức  2.4.1.1. Kiến thức chung  - Kiến thức về lý luận chính trị  Hiểu và vận dụng hệ thống tri thức khoa học và những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin. Hiểu kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và vận dụng trong công việc cũng như trong cuộc sống.  - Kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường  + Áp dụng những kiến thức đã được học để đảm bảo đúng các quy định của pháp luật trong thực hiện công việc và trong cuộc sống  + Tích cực tham gia bảo vệ môi trường góp phần cho việc phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững  - Kiến thức về tin học  + Sử dụng thành thạo và khai thác được các tính năng nâng cao của các phần mềm văn phòng thông dụng; khai thác một số dịch vụ cần thiết trên Internet;  + Biết cách khai thác được các cơ sở dữ liệu của Việt Nam và thế giới.  - Kiến thức về ngoại ngữ  + Tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam  + Sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp; Nghe hiểu các nội dung trao đổi trong các cuộc trao đổi, hội nghị, hội thảo quốc tế.  + Vận dụng tiếng Anh học thuật trong công việc.  - Giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh  + Hiểu nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào điều kiện tác chiến thông thường.  + Hiểu và vận dụng những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện, ngăn ngừa các chấn thương để củng cố và tăng cường sức khỏe. Sử dụng các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn đặc thù. Vận dụng những kỹ, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao ngoại khóa cộng đồng.  2.4.1.2. Kiến thức theo lĩnh vực  - Vận dụng các kiến thức toán cao cấp trong công việc thống kê, xử lý số liệu và các tính toán liên quan đến ngành đào tạo;  - Xây dựng và phân tích được các bài toán kinh tế đơn giản;  - Sử dụng được các phần mềm thống kê cơ bản để phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế xã hội và áp dụng vào nghiên cứu khoa học.  2.4.1.3. Kiến thức của khối ngành  - Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật để giải quyết được các vấn đề cụ thể nảy sinh trong các hoạt động kinh tế;  - Vận dụng được những kiến thức cơ bản và nâng cao của kinh tế học vào công việc chuyên môn, nghề nghiệp và giải thích, đánh giá được các vấn đề kinh tế.  - Vận dụng phương pháp thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê kinh tế, phục vụ cho công việc.  - Vận dụng phương pháp toán kinh tế để phân tích, đánh giá và dự báo các hiện tượng kinh tế nói chung và trong lĩnh vực kinh tế quốc tế nói riêng.  - Lựa chọn và vận dụng phương thức quản lý nhóm làm việc hiệu quả.  2.4.1.4. Kiến thức của nhóm ngành  - Hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản của nhóm ngành kinh tế làm nền tảng cho việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn trọng lĩnh vực kinh tế quốc tế;  - Hiểu được mục tiêu, bản chất của nghiên cứu khoa học và áp dụng được các phương pháp nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.  - Phân tích, đánh giá và vận dụng các nguyên lý cơ bản và nâng cao về kinh tế học để xử lý các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế và kinh doanh quốc tế.  2.4.1.5. Kiến thức ngành  - Hiểu và áp dụng các kiến thức, phương pháp luận về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế…để phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế;  - Tổng hợp, phân tích và đánh giá một số chính sách về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư nước ngoài thông qua các kiến thức ngành kinh tế quốc tế và kiến nghị giải pháp;  - Áp dụng tổng hợp kiến thức ngành kinh tế quốc tế để hình thành các ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các phương án, dự án trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế.  - Áp dụng kiến thức thực tế và thực tập trong lĩnh vực kinh tế quốc tế để hội nhập nhanh và làm việc sáng tạo trong môi trường đa văn hóa.  2.4.2. Về kỹ năng  2.4.2.1. Kỹ năng chuyên môn  •Các kỹ năng nghề nghiệp  - Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn hoạt động trong lĩnh vực kinh tế quốc tế; bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp.  - Có kỹ năng xử lý các vấn đề thực tiễn của kinh tế quốc tế.  •Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề  - Lập luận, phân tích các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, như phân tích, đánh giá các xu hướng tự do hóa thương mại khu vực và toàn cầu, xu hướng và sự vận động của đầu tư trực tiếp nước ngoài; xu hướng tự do hóa tài chính, thực tiễn và những vấn đề đặt ra trong các hoạt động kinh doanh quốc tế...đưa ra những hướng giải quyết cụ thể.  •Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức  - Nghiên cứu, phát hiện các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế;  - Sử dụng các phương pháp nghiên cứu thích hợp để phân tích, đánh giá và dự báo sự vận động của nền kinh tế thế giới cũng như ảnh hưởng của nó tới kinh tế Việt Nam; xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.  •Khả năng tư duy theo hệ thống  - Có khả năng lập luận, tư duy logic và hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế nói chung và lĩnh vực kinh tế quốc tế nói riêng.  •Hiểu bối cảnh xã hội và ngoại cảnh  -Nhận thức và thích nghi với bối cảnh xã hội, ngoại cảnh để phát triển nghề nghiệp và công việc chuyên môn.  -Nhận thức được vai trò, trách nhiệm của cá nhân với xã hội và cơ quan công tác.  •Hiểu bối cảnh tổ chức  -Hiểu văn hóa tổ chức, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển của tổ chức.  -Nhận thức và thích nghi được bối cảnh tổ chức để phát triển nghề nghiệp và công việc chuyên môn.  •Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn  -Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn, bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp.  -Có năng lực phân tích yêu cầu, đề xuất giải pháp và thực thi giải pháp.  •Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp  -Có sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc cụ thể, tích lũy kinh nghiệm để có thể đảm đương những công việc ở những vị trí khác nhau trong tổ chức.  -Biết đề xuất các phương pháp mới đưa lại lợi ích cho tổ chức, cộng đồng, xã hội.  2.4.2.2. Kỹ năng bổ trợ  •Các kỹ năng cá nhân  -Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý công việc của bản thân; định hướng mục tiêu phát triển của bản thân.  -Có tư duy sáng tạo, duy phản biện, biết đề xuất sáng kiến.  •Làm việc theo nhóm  -Hình thành, vận hành, phát triển và lãnh đạo nhóm làm việc hiệu quả  -Biết hợp tác với các thành viên khác trong nhóm;  -Biết cách chia sẻ thông tin và điều hoà các mối quan hệ trong nhóm trong nhóm.  -Có kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau.  •Quản lý và lãnh đạo  - Kỹ năng quản lý và lãnh đạo được hình thành trong quá trình học tập thông qua các phương pháp học tập tích cực và làm việc theo nhóm. Bao gồm: Kỹ năng quản lý thời gian, nguồn lực; Kỹ năng xây dựng và thực hiện quy trình tổ chức sự kiện.  •Kỹ năng giao tiếp  -Biết cách lập luận, sắp xếp ý tưởng;  -Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và văn bản; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail).  -Biết cách huy động các nguồn tài trợ cho dự án, sự kiện.  •Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ  -Giao tiếp tốt được bằng tiếng Anh, có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành kinh tế quốc tế; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn; Trình độ tương đương bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.  •Các kỹ năng bổ trợ khác  -Đương đầu với thách thức, rủi ro;  -Thích nghi đa văn hóa.  -Sử dụng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và phần mềm thống kê (SPSS, EViews…) trong công việc. Sử dụng thành thạo Internet và các thiết bị văn phòng.  2.4.3. Về phẩm chất đạo đức  2.4.3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân  -Lễ độ; Khiêm tốn; Nhiệt tình; Trung thực.  -Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, có tinh thần tự tôn.  2.4.3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp  -Trách nhiệm trong công việc.  -Trung thành với tổ chức.  -Say mê nghiên cứu, khám phá kiến thức  -Thích ứng với môi trường đa văn hóa.  2.4.3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội  -Tôn trọng pháp luật,  -Có tinh thần kỷ luật cao,  -Có trách nhiệm với xã hội;  -Nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội.  -Có lối sống tích cực.  2.4.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm  - Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo trong lĩnh vực kinh tế quốc tế; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường đa văn hóa.  -Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.  -Có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp nảy sinh trong thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quôc tế.  -Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể  -Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn tại trong tổ chức. |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | Được giảng dạy bởi các giảng viên có trình độ chuyên môn cao và bề dày kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học, hoặc các giảng viên có trình độ cao được đào tạo tại các nước phát triển.  Sinh viên được học tập trong hệ thống giảng đường hiện đại với hệ thống chiếu sáng, điều hoà, âm thanh, máy chiếu và Internet  Sinh viên được ưu tiên khi đăng ký ở tại Kí túc xá Mỹ Đình  Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN trích 8% học phí thu được cấp học bổng cho các sinh viên có kết quả học tập giỏi trở lên xét từ cao xuống thấp.  Sinh viên ngành Kinh tế quốc tế chương trình đào tạo chất lượng cao được tiếp xúc, thăm quan, thực tập và ưu tiên xét tuyển dụng tại các doanh nghiệp lớn là đối tác của Trường/Khoa như Sankyu Logistics, Dragon Logistics, Toyota Việt Nam, …….  Được tham gia thường kỳ các buổi giao lưu với sinh viên nước ngoài trong chương trình hợp tác với các đối tác của Khoa như Đại học Waseda, Đại học Yokahama (Nhật Bản).  Được hỗ trợ kinh phí khi tham gia NCKH theo nhóm nghiên cứu do các giảng viên hướng dẫn hoặc tham gia đề tài NCKH với giảng viên.  Có điều kiện để trau dồi các kỹ năng mềm cần thiết như làm việc nhóm, quản lý dự án, tổ chức sự kiện, huy động tài trợ.  Được ưu tiên khi có kỳ học tập trao đổi sinh viên với trường nước ngoài. |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  | - Sau khi tốt nghiệp, học viên có nhu cầu tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, học viên phải có ít nhất 02 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục Tạp chí khoa học chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước. | Sau khi tốt nghiệp sinh viên chất lượng cao ngành Kinh tế Quốc tế có thể tiếp tục học tập cao hơn đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Kinh tế tại các cơ sở đào tạo trong nước hoặc nước ngoài. |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp | ***- Nhóm 1 - Chuyên gia hoạch định, phân tích, tư vấn chính sách:***Có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng và khả năng tư duy độc lập để làm việc với tư cách là các chuyên gia có trình độ cao trong việc hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách về các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế; tài chính quốc tế; đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương, cơ quan quản lý của chính phủ cũng như các tổ chức quốc tế như UN, ADB, IMF, WB, iNGOs...  ***- Nhóm 2 - Nghiên cứu viên và giảng viên trình độ cao***: Có khả năng tự nghiên cứu sáng tạo và giảng dạy chuyên sâu tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học khối ngành kinh tế; có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực kinh tế quốc tế. | Nhóm 1- Giảng viên, nghiên cứu viên hoặc chuyên viên tại các cơ quan chính phủ: Có năng lực giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu. Có năng lực phân tích, tư vấn chính sách tại các Bộ, Ngành, địa phương trong cả nước.  Nhóm 2- Nhà quản lý hoặc chuyên viên tư vấn và triển khai dự án quốc tế: Có năng lực tham gia quản lý hoặc tư vấn, tổ chức triển khai các dự án quốc tế tại các tổ chức quốc tế như UN, IMF, WB, ADB,...và các tổ chức phi chính phủ.  Nhóm 3-Nhà quản lý tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước: Có đủ năng lực để đảm nhận các công việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án kinh doanh cũng như tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, chuỗi cung ứng và logistics, tại các nhà nước của Việt Nam, các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài. | ***Nhóm 1 - Chuyên viên hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách; nghiên cứu viên và giảng viên***  Có khả năng đảm nhận các công việc trợ lý hay chuyên viên hỗ trợ hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách trong lĩnh vực thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài, tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn chính sách trong các lĩnh vực này.  Có khả năng đảm nhận các công việc trợ giúp và tham gia xây dựng, theo dõi, phân tích và tư vấn các dự án quốc tế các tổ chức quốc tế như Liên Hiệp Quốc (UN), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức lao động quốc tế (ILO)...hay các tổ chức phi chính phủ (iNGOs). Triển vọng có thể trở thành các nhà quản lý dự án phát triển quốc tế.  Có khả năng tham gia nghiên cứu và trợ giảng tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực kinh tế quốc tế; triển vọng trong tương lai có thể trở thành nghiên cứu viên và giảng viên có chuyên môn sâu trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.  ***Nhóm 2 - Chuyên viên kế hoạch, kinh doanh và đối ngoại tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước***  Có khả năng đảm nhận các công việc liên quan đến lập kế hoạch, giám sát hay thực thi các hoạt động về logistics và chuỗi cung ứng, xuất nhập khẩu, phát triển thị trường quốc tế tại các doanh nghiệp của Việt Nam, các công ty Đa quốc gia, các doanh nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài; triển vọng có thể trở thành nhà quản lý hay doanh nhân trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế. |

1. **Khoa Kế toán Kiểm toán**

| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** |
| **Chính quy** |
| **I** | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Người học hết chương trình THPT và tốt nghiệp THPT trong năm ĐKDT; người đã tốt nghiệp THPT; người đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề và có bằng tốt nghiệp THPT; người tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành chương trình giáo dục THPT không trong thời gian bị kỷ luật theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT).  ***4.1. Xét tuyển thẳng và xét tuyển học sinh THPT chuyên thuộc ĐHQGHN***  - Đối tượng: Học sinh THPT chuyên thuộc ĐHQGHN được xét tuyển thẳng và xét tuyển vào bậc đại học tại Trường ĐH Kinh tế phải đỗ tốt nghiệp THPT, có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau: (1) Là thành viên chính thức đội tuyển dự kỳ thi Olympic hoặc các cuộc thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế; (2) Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN; (3) Đạt giải chính thức trong kỳ thi Olympic chuyên Khoa học tự nhiên bậc THPT được tổ chức hàng năm; (4) Là thành viên chính thức của đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật quốc gia; (5) Đạt danh hiệu học sinh giỏi từng năm học trong cả 3 năm THPT và có tổng điểm 4 bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT đạt tối thiểu 28,0 điểm trong đó không có điểm bài thi/môn thi nào dưới 5,0 điểm;  ***Xét tuyển diện Ưu tiên xét tuyển***  - Đối tượng: Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán học, Vật Lý, Hóa học, Tin học, Tiếng Anh, Địa lý, Lịch sử, Ngữ văn và đã tốt nghiệp THPT, có kết quả thi đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN quy định.  ***Xét tuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học:***  - Đối tượng học sinh được tiếp nhận: Trường Đại học Kinh tế chỉ nhận các học sinh có kết quả thi THPT quốc gia năm 2017 thuộc một trong các tổ hợp sau: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01); Toán, Vật lý, Hóa (A00); Ngữ văn, Toán, Địa lý (C04); Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01).  ***Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực(ĐGNL) do ĐHQGHN tổ chức:***  - Đối tượng: Thí sinh sử dụng kết quả thi ĐGNL còn hạn sử dụng đạt từ 70,0/140,0 điểm trở lên và chưa nhập học vào bất kỳ đơn vị đào tạo nào của ĐHQGHN được đăng ký xét tuyển (ĐKXT).  ***Xét tuyển Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; gọi tắt là chứng chỉ A-Level).***  - Đối tượng: Thí sinh sử dụng chứng chỉ A-level để tổ hợp kết quả 3 môn thi theo các khối thi quy định của ngành đào tạo tương ứng. Mức điểm mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60) mới đủ điều kiện đăng ký xét tuyển.  ***Xét tuyển kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ):***  - Đối tượng: Thí sinh đạt điểm từ 1100/1600 hoặc 1450/2400 trở lên (Trường ĐH Kinh tế nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh có kết quả SAT trong khoảng thời gian 05 năm kể từ ngày dự thi). |
| **II** | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | 1. **Về kiến thức và năng lực chuyên môn**    1. **Về kiến thức**   Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích luỹ được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo; và có kiến thức cụ thể và năng lực chuyên môn như sau:  1.1.1 Khối kiến thức chung   * Vận dụng được các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào nghề nghiệp và cuộc sống; * Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng, khai thác một số dịch vụ cần thiết trên Internet. Khai thác được các kiến thức cơ bản của hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ, các kỹ năng sử dụng một hệ quản trị dữ liệu cụ thể; * Thấm nhuần những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng - an ninh của Việt Nam trong điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước; * Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe.; * Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.   1.1.2 Kiến thức theo lĩnh vực   * Vận dụng các kiến thức toán cao cấp trong công việc thống kê, xử lý số liệu và các tính toán liên quan đến ngành đào tạo; * Xây dựng và phân tích được các bài toán kinh tế đơn giản; * Sử dụng được các phần mềm thống kê cơ bản.   1.1.3 Kiến thức theo khối ngành   * Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật vào những hoạt động kinh tế; * Vận dụng được những kiến thức cơ bản của kinh tế học vào công việc chuyên môn, nghề nghiệp; * Vận dụng phương pháp thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê kinh tế; * Áp dụng phương pháp phân tích hồi qui, vận dụng các kiến thức đã học vào các tình huống thực tế; * Xây dựng và lựa chọn được phương thức quản lý nhóm làm việc hiệu quả.   1.1.4 Kiến thức theo nhóm ngành   * Vận dụng được các nguyên lý cơ bản về kế toán để xử lý các bài tập mô phỏng tình huống, lập và mô tả được các báo cáo tài chính kế toán trong doanh nghiệp; * Vận dụng được các nguyên tắc kế toán vào quá trình kinh doanh chủ yếu của các tổ chức kinh tế nói chung và các loại hình doanh nghiệp đặc thù; * Phân tích được các vấn đề nguyên lý hoạt động của hệ thống tài chính tiền tệ tiền tệ của quốc gia; * Phân tích được các vấn đề cơ bản trong quản trị tài chính doanh nghiệp.   1.1.5 Kiến thức ngành   * Vận dụng, phân tích và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu và cụ thể về lĩnh vực kế toán - kiểm toán của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế: phân tích, đánh giá được qui trình kế toán của một tổ chức kinh tế; lập, đọc, phân tích được báo cáo tài chính của doanh nghiệp; phân tích, đánh giá được một số qui trình kiểm toán nội bộ, kiểm toán tài chính doanh nghiệp; phân tích dự báo tài chính doanh nghiệp.   **1.2 Năng lực tự chủ và trách nhiệm**   * + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.  1. **Về kĩ năng**     1. ***Kĩ năng cứng***  * Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;   + - ***Các kĩ năng nghề nghiệp***   *(1). Lập luận tư duy và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán kiểm toán* như nhận dạng các nghiệp vụ kinh tế; ghi chép, tổng hợp và xử lý thông tin trên các chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên sổ Nhật ký và Sổ Cái tài khoản; kiểm tra việc ghi chép trên chứng từ và các tài khoản kế toán; lên bảng cân đối thử.  *(2). Tư duy theo hệ thống* khi tiếp cận và xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán như tổng hợp các nghiệp vụ, kiểm tra tính cân đối của số liệu kế toán, kiểm kê tài sản và thực hiện các nghiệp vụ tài chính về khai thác và sử dụng vốn trong các doanh nghiệp.  *(3). Nghiên cứu khoa học và khám phá kiến thức:* đặc biệt là các vấn đề có liên quan đối với chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán như các vấn đề độc lập và đạo đức nghề nghiệp của Kế toán - Kiểm toán viên, mô hình chuyển đổi của hệ thống kế toán Việt Nam, Ứng dụng các phương pháp mới trong hoạt động kế toán - kiểm toán.  *(4). Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh*  Hiểu được bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế; nhận thức được tác động của ngoại cảnh đến các vấn đề kế toán .  *(5). Bối cảnh tổ chức*  Hiểu được chiến lược, mục tiêu, kế hoạch và văn hóa của doanh nghiệp hoặc tổ chức để làm việc thành công trong doanh nghiệp, tổ chức đó.  *(6). Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn*  Có khả năng vận dụng những kiến thức về kế toán để xử lý tình huống, nghiệp vụ.  *(7). Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp*  Sinh viên tốt nghiệp có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp nhờ khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thực tế.   * + - ***Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề***   Có khả năng lập luận, tư duy độc lập. Có khả năng phân tích vấn đề về chuyên môn và các lĩnh vực liên quan, từ đó đưa ra các giải pháp chuyên môn phù hợp.   * + - ***Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức***   Có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu chuyên ngành kế toán ở mức độ cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ hoặc các chuyên ngành gần như Tài chính ngân hàng, ….  Có khả năng tự học tập, cập nhật kiến thức và nghiên cứu các vấn đề chuyên môn về kế toán, kiểm toán, phân tích.   * ***Khả năng tư duy theo hệ thống***   Được trang bị kiến thức, kỹ năng độc lập trong tư duy và làm việc. Việc học tập, nghiên cứu dựa trên các phương pháp khoa học, logic, đặc biệt là việc tư duy hệ thống.   * ***Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh***   Có khả năng nhanh chóng tiếp cận với các bối cảnh xã hội và ngoại cảnh cụ thể, từ đó vận dụng kiến thức vào công việc thực tế, tiếp tục nghiên cứu các vấn đề tồn tại cũng như lý luận.   * ***Bối cảnh tổ chức***   Làm chủ tình huống, tư duy hệ thống và tổ chức tốt công việc, nhân sự,…   * ***Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn***   Vận dụng được kiến thức vào thực tiễn phục vụ cho công việc cũng như quá trình tự học, tự nghiên cứu sau khi tốt nghiệp.   * ***Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp***   Vận dụng được kiến thức vào thực tiễn phục vụ cho công việc cũng như quá trình tự học, tự nghiên cứu sau khi tốt nghiệp. Từ đó phát huy tính sáng tạo, dẫn dắt trong tổ chức, chuyên môn.   * 1. ***Kĩ năng bổ trợ***   + Làm chủ các kỹ năng cá nhân như kỹ năng học và tự học, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực, kỹ năng quản lý bản thân.   + Có kỹ năng hình thành, vận hành, phát triển, và kỹ năng làm việc trong các nhóm làm việc khác nhau.   + Có thể lãnh đạo nhóm làm việc hiệu quả.   + Có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, thông qua thư điện tử, các phương tiện truyền thông, thuyết trình và giao tiếp giữa các cá nhân.   + Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.   + Có thể dùng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và phần mềm thống kê (SPSS, EViews…), có thể sử dụng thành thạo Internet và các thiết bị văn phòng.  1. **Về phẩm chất đạo đức**    1. ***Phẩm chất đạo đức cá nhân***  * Thể hiện các tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức; * Thể hiện lòng can đảm để hành động theo nguyên tắc bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; * Hiểu sai lầm có thể xảy ra và có trách nhiệm với sai lầm đó; * Công nhận thành quả của những người khác làm việc cùng mình; * Cam kết để phục vụ cho tổ chức/doanh nghiệp.   1. ***Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp***   + Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy;   + Hành vi chuyên nghiệp;   + Có kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc;   + Có khả năng làm việc độc lập;   + Có kỹ năng đặt mục tiêu;   + Có kỹ năng tạo động lực làm việc;   + Có kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp;   + Có kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai.   1. ***Phẩm chất đạo đức xã hội*** * Có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng; * Biết trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc; * Xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, tư cách, tác phong đúng đắn của người công dân; * Có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, biết phê phán những hành vi không phù hợp với các chuẩn mực đạo đức. |
| **III** | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | + Được giảng dạy bởi các giảng viên có trình độ chuyên môn cao và bề dày kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học, hoặc các giảng viên có trình độ cao được đào tạo tại các nước phát triển.  + Sinh viên được học tập trong hệ thống giảng đường hiện đại với hệ thống chiếu sáng, điều hoà, âm thanh, máy chiếu và Internet  +Sinh viên được ưu tiên khi đăng ký ở tại Kí túc xá Mỹ Đình  + Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN trích 8% học phí thu được cấp học bổng cho các sinh viên có kết quả học tập giỏi trở lên xét từ cao xuống thấp.  +Sinh viên ngành Kế toán kiểm toán chương trình được tiếp xúc, thăm quan, thực tập và ưu tiên xét tuyển dụng tại các doanh nghiệp lớn là đối tác của Trường.  Mục tiêu giáo dục của chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Kế toán là đào tạo gắn liền với thực tiễn và theo chuẩn quốc tế. Đào tạo gắn liền với thực tiễn được thực hiện thông qua việc tăng cường các chương trình thực tập - thực tế giữa khóa, cuối khóa và các môn học Thực hành kế toán-kiểm toán trong khung chương trình đào tạo, phối kết hợp chặt chẽ với các công ty dịch vụ kế toán - kiểm toán trong đào tạo và nghiên cứu nhằm tăng cường kiến thức thực tế và kỹ năng thực hành nghề nghiệp kế toán - kiểm toán cho sinh viên, giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp rõ ràng để ra trường có khả năng thâm nhập ngay vào công việc thực tế liên quan đến kế toán - kiểm toán. Đào tạo theo chuẩn quốc tế được thực hiện trước hết thông qua việc chuẩn hóa đội ngũ giảng viên đạt chuẩn quốc tế, đổi mới đề cương và cập nhật nội dung giảng dạy dựa trên các chương trình đào tạo của các hiệp hội nghề nghiệp quốc tế, áp dụng phương pháp tình huống trong giảng dạy đối với tất cả các môn học chính trong khung chương trình đào tạo ngành kế toán nhằm tăng tính tự học, tự nghiên cứu và phát huy khả năng sáng tạo của sinh viên. Đồng thời, đẩy mạnh các khóa đào tạo ngắn hạn *Nâng cao kỹ năng chuyên ngành kế toán - kiểm toán bằng tiếng Anh đa cấp độ* cho sinh viên để tăng khả năng hấp thụ chương trình học đạt chuẩn quốc tế**.**  +Phương pháp dạy và học phải lấy người học làm trung tâm, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của sinh viên, giúp sinh viên tích cực, chủ động cập nhật kiến thức và rèn luyện kỹ năng, tăng cường xử lý các tình huống thực tế liên quan đến kế toán-kiểm toán. Để tạo ra môi trường học hào hứng, thu hút sinh viên tích cực tham gia xây dựng bài, giúp sinh viên tiếp thu bài hiệu quả nhất, đồng thời rèn luyện các kĩ năng thuyết trình, tư duy phê phán, hợp tác nhóm cho sinh viên, các thầy cô Khoa KTKT đều áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, linh hoạt sử dụng các hình thức đố vui có điểm thưởng (quizzes), câu hỏi thảo luận, thuyết trình nhóm, bài tập tình huống, bài tập cá nhân kết hợp với việc sử dụng các phương tiện kĩ thuật hiện đại để hỗ trợ (máy chiếu, video, phần mềm online, ...). Đặc biệt, một số học phần chuyên ngành (Kế toán tài chính, Thực hành kế toán tài chính, Kiểm toán căn bản) còn tổ chức các buổi nói chuyện định hướng nghề nghiệp, tạo điều kiện cho sinh viên gặp gỡ các chuyên gia (guest speaker) để tạo động lực cho sinh viên tích cực trau dồi kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm nhằm đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.  +Được hỗ trợ kinh phí khi tham gia NCKH theo nhóm nghiên cứu do các giảng viên hướng dẫn hoặc tham gia đề tài NCKH với giảng viên.  +Có điều kiện để trau dồi các kỹ năng mềm cần thiết như làm việc nhóm, quản lý dự án, tổ chức sự kiện, huy động tài trợ.  + Được ưu tiên khi có kỳ học tập trao đổi sinh viên với trường nước ngoài. |
| **IV** | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  |  |
| **V** | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | +Sinh viên tốt nghiệp loại khá trở lên có thể tiếp tục học cao học chuyên ngành Kế toán (Kế toán - Kiểm toán). Nếu dự thi vào các chuyên ngành khác như: Tài chính - Ngân hàng, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, sinh viên cần phải có chứng chỉ các môn bổ sung kiến thức theo quy định của từng chuyên ngành nêu trên;  +Sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành Kế toán cũng có thể tìm kiếm học bổng để tiếp tục học tập bậc cao hơn tại các cơ sở đào tạo nước ngoài. |
| **VI** | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  |  | Nhóm 1: Nhân viên kế toán: có đủ năng lực làm việc các doanh nghiệp và trong các tổ chức kinh tế, các công việc có thể đảm nhiệm như kế toán tiền mặt, kế toán hàng tồn kho, kế toán doanh thu-chi phí, kế toán công nợ phải thu - phải trả, kế toán nguồn vốn, kế toán thuế; triển vọng trong tương lai có thể trở thành Chuyên gia kế toán, Chuyên gia quản lý quỹ, Kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp và trong các tổ chức kinh tế;  Nhóm 2: Nhân viên phân tích và tư vấn: Sinh viên ra trường có đủ năng lực đảm nhiệm một phần công việc phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính tại các công ty cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn về các lĩnh vực kế toán, thuế, tài chính tại các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính;  Nhóm 3: Trợ lý kiểm toán tiến tới trong tương lai trở thành kiểm toán viên chính, kiểm toán viên cao cấp tại các công ty kiểm toán;  Nhóm 4: Nghiên cứu viên và giảng viên: sinh viên sau khi ra trường có thể giảng dạy các môn về Kế toán tại các cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu về lĩnh vực kế toán tại các cơ sở nghiên cứu; sau đó có thể tiếp tục học tập phấn đấu để trở thành giảng viên chính, giảng viên cao cấp và chuyên gia nghiên cứu về lĩnh vực kế toán. |

**5.Khoa Tài chính Ngân hàng**

| **STT** | **Nội dung** | **Hệ đào tạo chính quy** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ**  **Định hướng ứng dụng** | **Đại học**  **Chất lượng cao** |
| **I** | Điều kiện tuyển sinh | 1. Về văn bằng và công trình đã công bố:  Đạt một trong các điều kiện sau - Có bằng thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - ngân hàng hoặc phù hợp hoặc gần chuyên ngành Tài chính ngân hàng - Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành kinh tế hoặc phù hợp với chuyên ngành Tài chính - ngân hàng. Trường hợp này thí sinh phải có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi và phải theo chế độ đối với người chưa có bằng thạc sĩ. - Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành Tài chính - ngân hàng loại giỏi trở lên và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi. - Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành Tài chính - ngân hàng, loại khá và có ít nhất hai bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi. - Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành Tài chính ngân hàng '2. Điều kiện về thâm niên công tác - Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có ít nhất 2 năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học), trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh. | 1. Điều kiện văn bằng - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính – Ngân hàng hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng; - Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành Tài chính – Ngân hàng và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 5 học phần (15 tín chỉ); - Có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy ngành gần với ngành Tài chính – Ngân hàng và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 9 học phần (27 tín chỉ). 2. Điều kiện thâm niên công tác - Những người có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên và không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức được dự thi ngay; - Những người có bằng tốt nghiệp đại học dưới loại khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng kí dự thi. | - Thí sinh tham gia kỳ thi THPT quốc gia theo tổ hợp các môn/bài thi gồm 2 tổ hợp: Toán, Tiếng Anh, KHTN (D90); Toán, KHXH, Tiếng Anh (D96). |
| **II** | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được | - Nâng cao kỹ năng tư duy lý luận, phân tích và tổng hợp của nghiên cứu sinh;  - Hoàn thiện năng lực phát hiện và xử lý các vấn đề tài chính – ngân hàng nảy sinh về lý thuyết và đặc biệt trong hoạt động thực tiễn của ngành tài chính ngân hàng để có thể có những đóng góp mới vào việc bổ sung, phát triển lý luận về tài chính ngân hàng. Bên cạnh đó, giúp cho nghiên cứu sinh có thể làm việc độc lập và sáng tạo, có năng lực tổ chức và thực hiện các hoạt động khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn của mình. - Phân tích, đánh giá và dự báo có luận cứ khoa học vể những thay đổi của thị trường tài chính, tiền tệ cũng như môi trường hoạt động kinh doanh của các định chế tài chính.  - Khả năng làm việc và nghiên cứu độc lập và làm việc theo nhóm.  - Sáng tạo và ứng dụng các lý luận, phát huy các kinh nghiệm của bản thân trong việc phân tích và xử lý các tình huống nghiên cứu và thực tiễn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.  - Có thể giao tiếp bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn với trình độ tối thiểu tương đương Chuẩn B2 của Khung tham chiếu Châu Âu. | - Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng. - Triển khai được chiến lược quản lý vốn và danh mục đầu tư; xây dựng được các kế hoạch về mua bán và sáp nhập; thiết lập được chương trình quản trị rủi ro tài chính cho doanh nghiệp, ngân hàng và các định chế tài chính khác. - Triển khai được các vấn đề quản trị nguồn vốn, quản trị tài sản – nợ, quản trị thanh khoản, quản trị danh mục đầu tư trong doanh nghiệp, ngân hàng và các định chế tài chính. - Am hiểu các vấn đề tài chính ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp, ngân hàng và các định chế tài chính khác; ứng dụng các kiến thức chuyên môn hiện đại một cách có hệ thống để giải quyết các vấn đề tài chính phát sinh. - Triển khai được các vấn đề hoạt động ngân hàng quốc tế như thị trường tài chính và thị trường vốn quốc tế, hoạt động đầu tư quốc tế, các tổ chức giám sát hoạt động ngân hàng và tài chính quốc tế. - Phát hiện và phân tích được các vấn đề về thuế, chi tiêu chính phủ và hoạch định ngân sách nhà nước. - Lên kế hoạch và triển khai thực hiện các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong phạm vi công việc đảm nhận. - Chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành tài chính - ngân hàng tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.  - Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành tài chính – ngân hàng; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ; - Có khả năng hoạch định và tổ chức thực thi các chính sách, chiến lược và dự án trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. - Vận dụng linh hoạt và sáng tạo các kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn, có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp. - Kỹ năng tự đào tạo để thích ứng với những yêu cầu đa dạng của thực tiễn công tác. - Có khả năng làm việc độc lập, mạnh dạn, sáng tạo. - Có khả năng phối hợp, làm việc nhóm, cộng tác chia sẻ để hoàn thành nhiệm vụ. - Có kỹ năng quản lý và lãnh đạo. - Có kỹ năng giao tiếp tốt. - Có thể giao tiếp bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn với trình độ tối thiểu tương đương Chuẩn B1 của Khung tham chiếu Châu Âu (đối với tiếng Anh: tương đương 4.5 IELTS, hoặc 477 TOEFL). - Có thể sử dụng thành thạo các phần mềm tin học phục vụ công tác chuyên môn (Excel, EViews, SPSS...). | - Hiểu, phân tích, ứng dụng và dự báo các vấn đề cụ thể có liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng, luận giải các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng;  - Hiểu, phân tích, ứng dụng kiến thức ngành tài chính-ngân hàng để hình thành các ý tưởng, xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá các phương án, dự án trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng;  - Ứng dụng kiến thức thực tế và thực tập trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng để hội nhập nhanh với môi trường công việc trong tương lai;  - Có khả năng nghiên cứu và tiếp cận đến các tài liệu bắt buộc và tham khảo đạt chuẩn quốc tế, hỗ trợ việc học tập và nghiên cứu, thực tập ở các bậc cao hơn tại các cơ sở giáo dục quốc tế ở trong nước và nước ngoài.  'Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tƣợng trong lĩnh vực đƣợc đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phƣơng và vùng miền.  - Tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.  - Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp  - Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề cụ thể.  - Vận dụng tiếng Anh học thuật trong công việc. |
| **III** | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | - Định hướng nghiên cứu luận án  - Tổ chức sinh hoạt khoa học theo chuyên đề  - Tổ chức các hội nghị, hội thảo, seminar khoa học theo chuyên đề | - Định hướng luận văn cho học viên  - Tổ chức sinh hoạt khoa học theo chuyên đề  - Có các chuyên gia giàu kinh nghiệm thực tế đến nói chuyện chuyên đề và giảng dạy | - Thường xuyên có cơ hội thực tập thực tế tại các ngân hàng, doanh nghiệp, công ty chứng khoán - Được tham gia các buổi nói chuyện, seminar về phương pháp; Career Talk; Tham gia SV sinh viên; Định hướng nghề nghiệp, Phương pháp và định hướng nghiên cứu khoa học, phương pháp viết khóa luận với các chuyên gia thực tiễn và nhà khoa học trong ngành tài chính ngân hàng, tham gia câu lạc bộ chất lượng cao – Tài chính ngân hàng (AFB Club) |
| **IV** | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện | Chương trình đào tạo tiến sĩ Tài chính - Ngân hàng   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TT** | **Học phần** | **Số TC** | |  | **PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG** |  | | **I** | **Khối kiến thức chung** | **4** | | 1 | Triết học  *Philosophy* | 4 | | **II** | **Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành** | **47** | | **II.1** | **Các học phần bắt buộc** | **26** | | 2 | Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lý thuyết và thực tiễn  *Money, Banking and Financial Markets: Theory and Practice* | 3 | | 3 | Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao  *Advanced Commercial Bank Management* | 3 | | 4 | Ngân hàng quốc tế nâng cao  *Advanced International Banking* | 3 | | 5 | Tài chính cá nhân  *Personal Finance* | 3 | | 6 | Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư  *Investment Analysis and Portfolio Management* | 3 | | 7 | Tài chính doanh nghiệp nâng cao  *Advance corporate finance* | 3 | | 8 | Tài chính công nâng cao  *Advanced Public Finance* | 3 | | 9 | Thiết kế nghiên cứu luận văn  *Dissertation Research Design* | 2 | | 10 | Thực tập thực tế  *Intership* | 3 | | **II.2** | ***Các học phần tự chọn*** | ***21/47*** | | 11 | Quản trị tài chính ngắn hạn  *Short- term Finance Management* | 3 | | 12 | Phân tích đầu tư bất động sản  *Real Estate Investment Analysis* | 2 | | 13 | Phân tích tài chính nâng cao  *Advanced Financial Analysis* | 3 | | 14 | Quản trị rủi ro trong các tổ chức tài chính  *Risk management in financial Institutions* | 3 | | 15 | Tài chính phát triển  *Development Finance* | 3 | | 16 | Tài chính doanh nghiệp quốc tế  *International Corporate Finance* | 2 | | 17 | Thuế quốc tế  *International Tax* | 3 | | 18 | Giám sát hệ thống tài chính  *Monitoring the financial system* | 2 | | 19 | Các công cụ có thu nhập cố định  *Fixed Income* | 3 | | 20 | Các công cụ phái sinh  *Derivatives* | 2 | | 21 | Tài chính sáp nhập và mua lại nâng cao  *Advanced Finance for Buyouts and Acquisitions* | 2 | | 22 | Kế toán quản trị nâng cao  *Advanced Management Accounting* | 3 | | 23 | Kế toán tài chính nâng cao  *Advanced Financial Accounting* | 3 | | 24 | Ngân hàng điện tử  E - banking | 2 | | 25 | Dịch vụ ngân hàng ưu tiên  *Priority Banking Services* | 2 | | 26 | Quản trị Marketing nâng cao  *Advanced Marketing Management* | 3 | | 27 | Quản trị chiến lược nâng cao  *Advanced Strategic Management* | 3 | | 28 | Kinh tế học quản lý  *Managerial Economics* | 3 | |  | **PHẦN 2: CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN** |  | |  | 1. **Các học phần** | **12** | |  | **I.1 Bắt buộc** | **8** | | 29 | Phương pháp nghiên cứu định lượng  *Quantitative research methodology* | 2 | | 30 | Thống kê kinh tế nâng cao  *Advance Economic Statistic* | 2 | | 31 | Lý thuyết Tiền tệ Ngân hàng chuyên sâu  *Advance Monetary and Banking Theory* | 2 | | 32 | Lý thuyết Tài chính chuyên sâu  *Advance Finance Theory* | 2 | |  | **I.2 Tự chọn** | **4/6** | | 33 | Quản trị công ty trong các tổ chức tài chính  *Governance of Financial Institutions* | 2 | | 34 | Quản trị Marketing trong các tổ chức tài chính  *Marketing management in financial institutions* | 2 | | 35 | Kỹ thuật tài chính  *Financial Engineering* | 2 | |  | 1. **Chuyên đề NCS** | **6** | | 36 | Chuyên đề tự chọn 1  *Optional seminar 1* | 2 | | 37 | Chuyên đề tự chọn 2  *Optional seminar 2* | 2 | | 38 | Chuyên đề tự chọn 3  *Optional seminar 3* | 2 | |  | 1. **Tiểu luận tổng quan** | **2** | |  | **PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC** |  | |  | **PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO** |  | |  | **PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ** | **70** | |  | **Cộng** | **141** | | Chương trình đào tạo Thạc sĩ Tài chính - ngân hàng định hướng ứng dụng   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TT** | **Tên học phần** | **Số TC** | | **I** | **Khối kiến thức chung** |  | | 1 | Triết học  Philosophy | 4 | | 2 | Tiếng Anh cơ bản (\*)  *English for General Purposes* | 4 | | **II** | **Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành** |  | | ***II.1*** | ***Các học phần bắt buộc*** |  | | 3 | Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lý thuyết và thực tiễn  *Money, Banking and Financial Markets: Theory and Practice* | 3 | | 4 | Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao  *Advanced Commercial Bank Management* | 3 | | 5 | Ngân hàng quốc tế nâng cao  *Advanced International Banking* | 3 | | 6 | Tài chính cá nhân  *Personal Finance* | 3 | | 7 | Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư  *Investment Analysis and Portfolio Management* | 3 | | 8 | Tài chính doanh nghiệp nâng cao  *Advanced Corporate Finance* | 3 | | 9 | Tài chính công nâng cao  *Advanced Public Finance* | 3 | | 10 | Thiết kế nghiên cứu luận văn  *Dissertation Research Design* | 2 | | 11 | Thực tập thực tế  *Intership* | 3 | | ***II.2*** | ***Các học phần tự chọn*** |  | | 12 | Quản trị tài chính ngắn hạn  *Short- term Finance Management* | 3 | | 13 | Phân tích đầu tư bất động sản  *Real Estate Investment Analysis* | 2 | | 14 | Phân tích tài chính nâng cao *Advanced Financial Analysis* | 3 | | 15 | Quản trị rủi ro trong các tổ chức tài chính  *Risk management in financial Institutions* | 3 | | 16 | Tài chính phát triển  *Development Finance* | 3 | | 17 | Tài chính doanh nghiệp quốc tế  *International Corporate Finance* | 2 | | 18 | Thuế quốc tế  *International Tax* | 3 | | 19 | Giám sát hệ thống tài chính  *Monitoring the financial system* | 2 | | 20 | Các công cụ có thu nhập cố định  *Fixed Income* | 3 | | 21 | Các công cụ phái sinh  *Derivatives* | 2 | | 22 | Tài chính sáp nhập và mua lại nâng cao  *Advanced Finance for Buyouts and Acquisitions* | 2 | | 23 | Kế toán quản trị nâng cao  *Advanced Management Accounting* | 3 | | 24 | Kế toán tài chính nâng cao  *Advanced Financial Accounting* | 3 | | 25 | Ngân hàng điện tử  E - banking | 2 | | 26 | Dịch vụ ngân hàng ưu tiên  *Priority Banking Services* | 2 | | 27 | Quản trị Marketing nâng cao  *Advanced Marketing Management* | 3 | | 28 | Quản trị chiến lược nâng cao  *Advanced Strategic Management* | 3 | | 29 | Kinh tế học quản lý  *Managerial Economics* | 3 | | **III** | **Luận văn thạc sĩ** | **9** | |  | **Cộng** | **64** | | Chương trình đào tạo cử nhân Tài chính – Ngân hàng chất lượng cao   | **TT** | **Học phần** | **Số TC** | | --- | --- | --- | | | **I** | **Khối kiến thức chung** | **32** | | *(Không tính các học phần 10-12)* | | 1 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 1  *Fundamental Principles of Marxism-Leninism 1* | 2 | | 2 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 2  *Fundamental Principles of Marxism-Leninism 2* | 3 | | 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  *Ho Chi Minh Ideology* | 2 | | 4 | Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam  *The Revolutionary Line of the Communist Party Vietnam* | 3 | | 5 | Tin học cơ sở 2  *Introduction to Informatics 2* | 3 | | 6 | Tiếng Anh cơ sở 1  *General English 1* | 4 | | 7 | Tiếng Anh cơ sở 2  *General English 2* | 5 | | 8 | Tiếng Anh cơ sở 3  *General English 3* | 5 | | 9 | Tiếng Anh cơ sở 4  *General English 4* | 5 | | 10 | Giáo dục thể chất  *Physical Education* | 4 | | 11 | Giáo dục quốc phòng - an ninh  *National Defense Education* | 8 | | 12 | Kỹ năng bổ trợ  *Soft Skills* | 3 | | **II** | **Khối kiến thức theo lĩnh vực** | **10** | | 13 | Toán cao cấp  *Advanced Mathematics* | 4 | | 14 | Xác suất thống kê  *Probability and Statistics* | 3 | | 15 | Toán kinh tế  *Mathematics for Economists* | 3 | | **III** | **Khối kiến thức theo khối ngành** | **16** | | ***III.1*** | ***Các học phần bắt buộc*** | ***14*** | | 16 | Nhà nước và pháp luật đại cương  *Introduction to Government and Law* | 2 | | 17 | Kinh tế vi mô  *Microeconomics* | 3 | | 18 | Kinh tế vĩ mô  *Macroeconomics* | 3 | | 19 | Nguyên lý thống kê kinh tế  *Principles of economic Statistics* | 3 | | 20 | Kinh tế lượng  *Econometrics* | 3 | | ***III.2*** | ***Các học phần tự chọn*** | ***2/6*** | | 21 | Lịch sử văn minh thế giới  *World Civilization History* | 2 | | 22 | Xã hội học đại cương  *Introductory Sociology* | 2 | | 23 | Lôgíc học  *Logics* | 2 | | **IV** | **Khối kiến thức theo nhóm ngành** | **20** | | ***IV.1*** | ***Các học phần bắt buộc*** | ***14*** | | 24 | Luật kinh tế  *Business Law* | 2 | | 25 | Phương pháp nghiên cứu kinh tế  *Economic Research Methodology* | 3 | | ***26*** | ***Kinh tế tiền tệ - ngân hàng\****  *Monetary and Banking Economics* | 3 | | ***27*** | ***Nguyên lý kế toán\****  *Principles of Accounting* | 3 | | 28 | Nguyên lý Marketing  *Principles of Marketing* | 3 | | ***IV.2*** | ***Các học phần tự chọn*** | ***6/12*** | | 29 | Văn hóa và đạo đức kinh doanh  *Corporate Responsibility and Business Ethics* | 3 | | 30 | Kinh tế quốc tế  *International Economics* | 3 | | 31 | Kinh tế phát triển  *Development Economics* | 3 | | 32 | Quản trị học  *Principles of Business Administration* | 3 | | **V** | **Khối kiến thức ngành** | **72** | | ***V.1*** | ***Các học phần bắt buộc*** | ***35*** | | ***33*** | ***Các thị trường và định chế tài chính***  *Financial Markets and Institutions* | 3 | | 34 | Phân tích tài chính  *Financial Analysis* | 3 | | 35 | Quản lý đầu tư  *Porfolio Investment* | 3 | | ***36*** | ***Tài chính doanh nghiệp***  *Corporate Finance* | 3 | | ***37*** | ***Tài chính quốc tế***  *International Finance* | 3 | | 38 | Tài chính công  *Public Finance* | 3 | | 39 | Thẩm định tài chính dự án  *Financial Appraisal for Projects* | 3 | | ***40*** | ***Quản lý ngân hàng điện tử\*\*\****  *E-banking Management* | 2 | | ***41*** | ***Quản trị ngân hàng thương mại***  *Commercial Bank Management* | 3 | | ***42*** | ***Tín dụng ngân hàng***  *Bank Credit* | 3 | | ***43*** | ***Ngân hàng quốc tế***  *International Banks* | 3 | | 44 | Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ  *Central Bank and Monetary Policy* | 3 | | ***V.2*** | ***Các học phần tự chọn*** | ***18/60*** | | 45 | Tài chính vi mô\*\*\*  Microfinance | 3 | | 46 | Pháp luật tài chính ngân hàng  *Legal Documents and Laws in Finance and Banking* | 3 | | 47 | Kế toán ngân hàng thương mại  *Accounting in Banks* | 3 | | 48 | Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư  *Investment Banking* | 3 | | 49 | Quản lý, kinh doanh vốn và ngoại tệ \*\*\*  *Treasury Management* | 3 | | 50 | Marketing ngân hàng  *Marketing in Banks* | 3 | | 51 | Tài chính cá nhân căn bản  *Basic Personal Finance* | 3 | | ***52*** | ***Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu***  *Specialized Corporate Finance* | 3 | | 53 | Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính  A*pplied Quantitative Methods in Finance* | 3 | | 54 | Định giá doanh nghiệp  *Corporate Valuation* | 3 | | 55 | Quản trị rủi ro  *Risk Management* | 3 | | 56 | Thanh toán quốc tế *International Payment* | 3 | | 57 | Quản trị tài chính quốc tế  *International Finance Management* | 3 | | 58 | Tài chính trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp  *The Finance of Buyouts and Acquisitions* | 3 | | 59 | Thuế  *Tax* | 3 | | 60 | Kiểm toán căn bản  *Basic Auditing* | 3 | | 61 | Kế toán tài chính  *Financial Accounting* | 3 | | 62 | Quản trị nguồn nhân lực  *Human Resources Management* | 3 | | 63 | Kế toán quản trị  *Managerial Accounting* | 3 | | 64 | Quản trị dòng tiền\*\*\*  *Cash Management* | 3 | | ***V.3*** | ***Thực tập thực tế và niên luận*** | ***12*** | | 65 | Kiến tập\*\*\*  *Pre-Internship* | 2 | | 66 | Thực tập thực tế 1 \*\*  *Internship 1* | 3 | | 67 | Thực tập thực tế 2\*\*  *Internship 2* | 3 | | 68 | Niên luận\*\*  *Essay* | 4 | | ***V.4*** | ***Khóa luận tốt nghiệp*** | ***7*** | | 69 | Khóa luận tốt nghiệp\*\*  Thesis | 7 | |  | **Cộng** | **150** | |
| **V** | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | Sau khi tốt nghiệp, tiến sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng hoàn toàn có khả năng tự học tập và nghiên cứu, qua đó vận dụng kiến thức và kĩ năng nhằm:  - Nâng cao hơn nữa năng lực nghiên cứu, tư vấn, phản biện, công bố sản phẩm nghiên cứu một cách độc lập, hoặc tổ chức nghiên cứu các đề tài, dự án nghiên cứu trong nước và quốc tế.  - Chủ động, nhạy bén trong việc phát hiện, phân tích, đánh giá sự tương tác giữa các nhân tố trong lĩnh vực kinh tế tài chính-ngân hàng trên cả cách tiếp cận vi mô và vĩ mô  - Ứng dụng kiến thức, phương pháp luận, kỹ năng tư duy khoa học để vận dụng một cách hiệu quả vào các quyết định quản lý. | Học viên tốt nghiệp có khả năng tiếp tục trau dồi thêm kỹ năng ở môi trường làm việc thông qua học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với các cán bộ đồng nghiệp, cán bộ quản lý và chuyên gia trong lĩnh vực mà học viên theo đuổi.  HV sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học tiến sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng hoặc các chuyên ngành liên quan. | Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tiếp tục trau dồi thêm kỹ năng ở môi trường làm việc thông qua học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với các cán bộ đồng nghiệp, cán bộ quản lý và chuyên gia trong lĩnh vực mà sinh viên theo đuổi.  Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng hoặc các chuyên ngành liên quan. |
| **VI** | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp | - Nhóm 1: Nghiên cứu viên và giảng viên trong lĩnh vực tài chính ngân hàng làm việc tại các cơ sở nghiên cứu, các trường đại học; - Nhóm 2: Chuyên gia tài chính - ngân hàng cao cấp làm việc tại các doanh nghiệp, các định chế tài chính (như ngân hàng thương mại, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán, doanh nghiệp...); - Nhóm 3: Chuyên gia hoạch định chính sách, cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng (Bộ tài chính, Ngân hàng nhà nước, Ủy ban chứng khoán, Tổng cục thuế, Hải quan, Kho bạc...). | Nhóm 1 – Cán bộ quản lý cấp trung, trưởng phó bộ phận phụ trách tài chính - kế toán làm việc tại các doanh nghiệp, các định chế tài chính (công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư...), các cơ quan nhà nước và các tổ chức khác. Nhóm 2 – Cán bộ quản lý cấp trung, trưởng nhóm phân tích và tư vấn tài chính làm việc tại các doanh nghiệp, các định chế tài chính (công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư...), các cơ quan nhà nước và các tổ chức khác. | Nhóm 1: Các chuyên viên tài chính, cán bộ tín dụng, cán bộ phân tích tài chính và có thể cân nhắc làm trưởng nhóm làm việc tại các ngân hàng, các doanh nghiệp, công ty chứng khoán, công ty tài chính, quỹ đầu tư, các định chế tài chính khác ở trong và ngoài nước; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai. Nhóm 2: Cán bộ chuyên viên tài chính ngân hàng tại các cơ quan quản lý Nhà nước như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Vụ chính sách tiền tệ trực thuộc các Bộ, và các cơ quan trực thuộc Chính phủ và các Ban ngành khác; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai. Nhóm 3: Các chuyên viên, cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về tài chính ngân hàng làm việc tại các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu hoặc các tổ chức khác; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai. |

**6.Viện Quản trị Kinh doanh**

| **TT** | **Nội dung** | **Hệ đào tạo chính quy** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiến sỹ** | **Thạc sỹ thực hành** | **Thạc sỹ nghiên cứu** | **Đại học** |
| I | Điều kiện tuyển sinh | Đối tượng đăng ký dự tuyển   * ***Về văn bằng:***   Người dự thi cần thỏa mãn một trong các điều kiện sau:  - Có bằng thạc sĩ chuyên ngành QTKD hoặc phù hợp hoặc gần chuyên ngành QTKD (Chuyên ngành tốt nghiệp thạc sĩ được coi là chuyên ngành đúng của chuyên ngành đào tạo tiến sĩ khi mã số (tên gọi) của chuyên ngành này và chuyên ngành đào tạo thạc sĩ có chuyên ngành đào tạo tiến sĩ QTKD trùng nhau; được coi là chuyên ngành phù hợp khi nội dung phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong chương trình đào tạo của chuyên ngành này và của chuyên ngành đào tạo thạc sĩ có chuyên ngành đào tạo tiến sĩ QTKD khác nhau không quá 20% cả về nội dung và khối lượng kiến thức kĩ năng; khác nhau từ 20-30% được coi là chuyên ngành gần; khác nhau quá 30% được coi là chuyên ngành khác).  - Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi. Trường hợp này thí sinh phải có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi và phải dự thi theo chế độ đối với người chưa có bằng thạc sĩ.  - Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, loại giỏi trở lên và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.  - Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, loại khá và có ít nhất hai bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.  - Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi.   * ***Về thâm niên công tác:***   - Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có ít nhất hai năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học), trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh.  - Đạt các điều kiện như quy định tại Khoản 5, 6, 7 Điều 10 Quy chế Đào tạo Sau đại học ở ĐHQGHN được ban hành theo quyết định số 3810/KHCN, ngày 10/10/2007 của Giám đốc ĐHQGHN.   * ***Hồ sơ dự thi***   Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của ĐHQGHN và của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.   * ***Có đủ sức khoẻ học tập*** | Đối tượng đăng ký dự tuyển  *Về văn bằng:*  + Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Quản trị kinh doanh.   * Có bằng tốt nghiệp đại học nhóm ngành Kinh doanh, Kinh tế học, Quản lý, Kế toán - Kiểm toán, và Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm. * Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy các ngành: Toán, Toán Tin, Công nghệ thông tin, Tin học ứng dụng, Quốc tế học, Luật học, Du lịch, Khoa học chính trị, Giáo dục chính trị, Tiếng Anh và các ngành xã hội, kĩ thuật.   *- Về kinh nghiệm công tác:*   * Những người có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên và không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức được dự thi ngay. * Những người có bằng tốt nghiệp đại học dưới loại khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng kí dự thi. * Riêng đối tượng dự thi thạc sĩ Quản trị kinh doanh có bằng tốt nghiệp đại học chính quy (kể cả loại khá trở lên) các ngành: Toán, Toán Tin, Công nghệ thông tin, Tin học ứng dụng, Quốc tế học, Luật học, Du lịch, Khoa học chính trị, Giáo dục chính trị, Tiếng Anh và các ngành Kĩ thuật phải có ít nhất 3 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh. | 3.2. Đối tượng tuyển sinh  - Về văn bằng:  + Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Quản trị kinh doanh.  + Có bằng tốt nghiệp đại học nhóm ngành Kinh doanh, Kinh tế học, Quản lý, Kế toán - Kiểm toán, và Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm.  + Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy các ngành: Toán, Toán Tin, Công nghệ thông tin, Tin học ứng dụng, Quốc tế học, Luật học, Du lịch, Khoa học chính trị, Giáo dục chính trị, Tiếng Anh và các ngành xã hội, kĩ thuật.  - Về kinh nghiệm công tác:  + Những người có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên và không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức được dự thi ngay.  + Những người có bằng tốt nghiệp đại học dưới loại khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng kí dự thi.  + Riêng đối tượng dự thi thạc sĩ Quản trị kinh doanh có bằng tốt nghiệp đại học chính quy (kể cả loại khá trở lên) các ngành: Toán, Toán Tin, Công nghệ thông tin, Tin học ứng dụng, Quốc tế học, Luật học, Du lịch, Khoa học chính trị, Giáo dục chính trị, Tiếng Anh và các ngành Kĩ thuật phải có ít nhất 3 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh. | * Đối tượng dự thi: thí sinh có trình độ tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh hàng năm đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN, trường ĐH Kinh tế và ngành Quản trị kinh doanh. |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  | * 1. ***Trách nhiệm công dân***   Có đạo đức công dân, có tinh thần tìm tòi và khám phá, chấp nhận khó khăn và áp lực để thực hiện các nghiên cứu khoa học và phát hiện những vấn đề thực tiễn về kinh doanh nhằm phục vụ cộng đồng.   * 1. ***Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ*** * Công tâm, khách quan, chuyên nghiệp, tôn trọng chữ tín và có tinh thần trách nhiệm. * Tuân thủ pháp luật, gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc trong tổ chức.   1. ***Thái độ tích cực, yêu nghề*** * Có thái độ tích cực khi làm việc, có tinh thần hợp tác tốt với các đồng nghiệp trong quá trình làm việc.   Luôn hăng hái thực hiện các nhiệm vụ được giao theo thời hạn quy định | Về phẩm chất đạo đức  * 1. ***Trách nhiệm công dân*** * Có đạo đức công dân, có tinh thần tìm tòi và khám phá, chấp nhận khó khăn và áp lực để thực hiện các nghiên cứu khoa học và phát hiện những vấn đề thực tiễn về kinh doanh nhằm phục vụ cộng đồng.   1. ***Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ*** * Công tâm, khách quan, chuyên nghiệp, tôn trọng chữ tín và có tinh thần trách nhiệm. * Tuân thủ pháp luật, gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc trong tổ chức.   1. ***Thái độ tích cực, yêu nghề*** * Có thái độ tích cực khi làm việc, có tinh thần hợp tác tốt với các đồng nghiệp trong quá trình làm việc * Luôn hăng hái thực hiện các nhiệm vụ được giao theo thời hạn quy định | 3. Về phẩm chất đạo đức  3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân  - Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, say mê sáng tạo, tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa...,  - Có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh, thích đương đầu với thử thách và khát vọng trở thành doanh nhân, nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp.  3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp  - Mạo hiểm và quyết đoán trong kinh doanh;  - Có khả năng làm việc dưới áp lực cao và môi trường biến động;  - Luôn giữ chữ tín và cam kết, tuân thủ nội quy, quy định của doanh nghiệp trong nước và quốc tế.  3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội  - Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao,  - Có lối sống tích cực, và có tinh thần hướng về cộng đồng. |
|  |  | ***7.6.2.1. Về kiến thức:***  - Trang bị theo hướng chuyên sâu các kiến thức mới, cập nhật, hiện đại và mang tính lý luận và phương pháp luận cao về chuyên ngành QTKD trên nền tảng nâng cao và hiện đại hoá các kiến thức cơ sở có liên quan đã được giảng dạy ở bậc đại học và cao học cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ. Theo phương hướng này, chương trình vừa chú trọng cung cấp kiến thức sâu các kiến thức QTKD, vừa chú ý cập nhật và nâng cao các kiến thức quản trị và quản lý hiện đại với tư cách là các tri thức công cụ để phân tích các vấn đề quản trị và quản lý đương đại.  - Nắm vững những kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh hiện đại, cách thức xây dựng chiến lược phát triển cho tổ chức.  - Liên hệ được những kiến thức chuyên sâu về quản trị và điều hành doanh nghiệp với các hoạt động nghiên cứu và thực tiễn hoạt động quản trị tổ chức/doanh nghiệp.  - Có ít nhất 03 bài báo đăng trên tạp chí khoa học, trong đó có ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế hoặc báo cáo tại hội nghị khoa học chuyên ngành quốc tế.  ***7.6.2.2. Về kỹ năng:***  - Nâng cao kỹ năng tư duy lý luận, phân tích và tổng hợp của nghiên cứu sinh;  - Hoàn thiện năng lực phát hiện và xử lý các vấn đề QTKD nảy sinh về lý thuyết và đặc biệt trong hoạt động thực tiễn quản trị kinh doanh để có thể có những đóng góp mới vào việc bổ sung, phát triển lý luận quản trị kinh doanh. Bên cạnh đó, giúp cho nghiên cứu sinh có thể làm việc độc lập và sáng tạo, có năng lực tổ chức và thực hiện các hoạt động khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn của mình.  - Phân tích, đánh giá và dự báo có luận cứ khoa học vể những thay đổi của môi trường kinh tế vĩ mô cũng như môi trường hoạt động kinh doanh từ đó đưa ra các quyết sách đúng đắn cho chiến lược phát triển doanh nghiệp trong dài hạn.  - Khả năng làm việc và nghiên cứu độc lập và làm việc theo nhóm.  - Sáng tạo và ứng dụng các lý luận, phát huy các kinh nghiệm của bản thân trong việc phân tích và xử lý các tình huống nghiên cứu và thực tiễn về quản trị.  ***7.6.2.3. Về phẩm chất nghề nghiệp***  - Sau khi tốt nghiệp, nghiên cứu sinh có thể làm việc độc lập hoặc nhóm với tư cách là chuyên gia có trình độ cao.  - Hoàn thiện các phẩm chất của nhà khoa học liên quan đến hoạt động nghiên cứu, tổ chức và quản lý.  - Quyết đoán và tự chịu trách nhiệm trong công việc nghiên cứu  - Trung thực, cần cù và kiên nhẫn trong nghiên cứu  - Tư duy toàn cục, hành động cụ thể | Kiến thức  * 1. ***Kiến thức chuyên môn*** * Nắm vững những kiến thức chuyên sâu về tư duy chiến lược, biết hoạch định chiến lược kinh doanh; * Nắm vững những kiến thức chuyên môn sâu về các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: Lãnh đạo tổ chức, Quản trị Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị dự án, Quản trị rủi ro....   1. ***Năng lực ứng dụng thực tiễn*** * Vận hành và triển khai được các chiến lược và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp/ tổ chức; giải quyết được các tình huống phức tạp trong kinh doanh và đưa ra được các quyết định quản trị đúng đắn phù hợp với đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp. * Vận dụng được những kiến thức chuyên môn sâu về các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: Lãnh đạo tổ chức, Quản trị Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị dự án, Quản trị rủi ro.... * Biết thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp một cách đúng đắn để hài hòa các lợi ích trong xã hội và phát triển doanh nghiệp bền vững.   ***1.3.*** ***Trình độ ngoại ngữ***  Chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Kỹ năng ***2.1. Kỹ năng nghề nghiệp***   * Phân tích, đánh giá và dự báo có luận cứ khoa học vể những thay đổi của môi trường kinh tế vĩ mô cũng như môi trường hoạt động kinh doanh từ đó đưa ra các quyết sách đúng đắn cho chiến lược phát triển doanh nghiệp trong dài hạn. * Điều hành các nghiệp vụ quản trị kinh doanh của doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả.   ***2.2. Kỹ năng bổ trợ***   * Kĩ năng cá nhân: Lãnh đạo bản thân và lãnh đạo tổ chức. Sáng tạo và vận dụng các kiến thức lý luận, phát huy các kinh nghiệm của bản thân trong việc phân tích và xử lý các tình huống quản trị kinh doanh. * Làm việc theo nhóm: Phối hợp xây dựng và triển khai dự án kinh doanh. * Kĩ năng sử dụng ngoại ngữ: Sử dụng được tiếng Anh tương đương mức B1 hoặc bậc 3/6 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. | Kiến thức  * 1. ***Kiến thức chuyên môn*** * Nắm vững những kiến thức chuyên sâu về tư duy chiến lược, các lý thuyết về quản trị kinh doanh hiện đại; * Hiểu bản chất của các tình huống phức tạp trong kinh doanh và cơ sở khoa học và thực tiễn của các quyết định quản trị đúng đắn theo hướng phù hợp với đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp. * Nắm vững những kiến thức chuyên học phần sâu về các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: Lãnh đạo tổ chức, Quản trị Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị dự án, Quản trị rủi ro....   1. ***Năng lực ứng dụng thực tiễn*** * Có khả năng phát hiện các vấn đề về quản trị kinh doanh cũng như thiết kế và triển khai dự án nghiên cứu. * Có khả năng vận dụng được những kiến thức chuyên học phần sâu về các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: Lãnh đạo tổ chức, Quản trị Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị dự án, Quản trị rủi ro.... * Biết thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp một cách đúng đắn để hài hòa các lợi ích trong xã hội và phát triển doanh nghiệp bền vững.   ***1.3. Trình độ ngoại ngữ***  Chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Kỹ năng  * 1. ***Kỹ năng nghề nghiệp*** * Phân tích, đánh giá và dự báo có luận cứ khoa học về những thay đổi của môi trường kinh tế vĩ mô cũng như môi trường hoạt động kinh doanh từ đó đưa ra các khuyến nghị và tư vấn cho sự phát triển của doanh nghiệp trong dài hạn. * Thực hiện các nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan đến quản trị kinh doanh của doanh nghiệp. * Tổng hợp và trình bày các công trình nghiên cứu khoa học một cách chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.   1. ***Kỹ năng bổ trợ*** * Kĩ năng cá nhân: Lãnh đạo bản thân và lãnh đạo tổ chức. Sáng tạo và vận dụng các kiến thức lý luận, phát huy các kinh nghiệm của bản thân trong việc phân tích và xử lý các tình huống quản trị kinh doanh. * Làm việc theo nhóm: Phối hợp xây dựng và triển khai dự án nghiên cứu/tư vấn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. * Kĩ năng sử dụng ngoại ngữ: Sử dụng được tiếng Anh tương đương mức B1 hoặc bậc 3/6 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. | 1. Về kiến thức:1.1. Kiến thức chung trong ĐHQGHN  * Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin - học thuyết khoa được cấu thành từ ba bộ phận lý luận có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.  1.2. Kiến thức theo lĩnh vực và khối ngành  * Vận dụng kiến thức toán, tiếng Anh, khoa học tự nhiên và kiến thức Khoa học xã hội nhân văn cơ bản vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành Quản trị kinh doanh  1.3. Kiến thức nhóm ngành và ngành  * Áp dụng các kiến thức cơ bản trong quản trị kinh doanh như: quản trị chiến lược, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tác nghiệp, marketing, tài chính - kế toán... để phân tích, đánh giá tình hình thị trường; tham gia đề xuất, và thực hiện các kế hoạch: kinh doanh và marketing, nhân sự, tài chính của doanh nghiệp. * Phân tích, đánh giá và vận dụng được các kiến thức đã học liên quan đến quản trị sự thay đổi; quản trị văn hóa công ty, hành vi của tổ chức; đàm phán và giải quyết các xung đột nghề nghiệp… để có thể khởi nghiệp và quản trị tốt một doanh nghiệp trong môi trường trong nước và quốc tế. * Vận dụng kiến thức thực tế, thực tập, cử nhân quản trị kinh doanh bước đầu hiểu thực tiễn hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp và có định hướng rõ ràng hơn về nghề nghiệp. * Sử dụng các kiến thức đã được trang bị để phân tích, đánh giá và tổng hợp một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; viết được khóa luận mang tính thực tiễn.  2. Về kĩ năng:2.1. Kỹ năng cứng 2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp   * Có các kỹ năng quản trị hiệu quả để phân tích và giải quyết các tình huống quản trị thực tiễn   2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề   * Có kỹ năng lập luận, phát hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.   2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức   * Có khả năng giải quyết các vấn đề, khám phá và nghiên cứu kiến thức trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.   2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống   * Có khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống các vấn đề thực tiễn của lĩnh vực quản trị kinh doanh   2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh   * Có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh để áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.   2.1.6. Bối cảnh tổ chức   * Có thể nhận thức được bối cảnh tổ chức để áp dụng vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.   2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn   * Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn;   2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp   * Có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp  2.2. Kỹ năng mềm 2.2.1. Các kỹ năng cá nhân   * Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, làm việc có kế hoạch và khoa học; * Có kỹ năng quản lý thời gian, phân bổ công việc cá nhân hợp lý   2.2.2. Làm việc theo nhóm   * Có khả năng làm việc nhóm và hợp tác tốt với các thành viên nhóm làm việc   2.2.3. Quản lý và lãnh đạo   * Có một số kỹ năng quản lý và lãnh đạo như kỹ năng thuyết phục, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng trao quyền   2.2.4. Kỹ năng giao tiếp   * Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và đàm phán trong kinh doanh; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail)   2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ   * Có kỹ năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh tương đương bậc 4/6 khung Châu Âu   2.2.6. Các kỹ năng mềm khác   * Có thể dùng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và một số phần mềm thống kê trong phân tích kinh doanh (SPSS, Eview);   Có thể sử dụng thành thạo Internet và các thiết bị văn phòng. |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | Nghiên cứu sinh được tham gia sinh hoạt chuyên môn thường xuyên thông qua các buổi seminar khoa học cấp khoa và cấp Trường, có cơ hội trau dồi thêm kiến thức lý thuyết và thực tiễn. | Trường Đại học Kinh tế luôn tổ chức các buổi seminar khoa học, các buổi tọa đàm, mời các chuyên gia, các nhà nghiên cứu kinh tế đến trao đổi khoa học cho học viên nhằm trang bị thêm những kiến thức thực tiễn, giúp người học hiểu thêm về các vấn đề kinh tế xã hội của Việt Nam và thế giới.  Ngoài ra, các khoa chuyên môn cũng thường xuyên tổ chức cho học viên, sinh viên các đợt thực tập thực tế tại cơ sở, giúp cho người học có thể áp dụng các kiến thức giảng dạy trong nhà trường vào thực tế | Trường Đại học Kinh tế luôn tổ chức các buổi seminar khoa học, các buổi tọa đàm, mời các chuyên gia, các nhà nghiên cứu kinh tế đến trao đổi khoa học cho học viên nhằm trang bị thêm những kiến thức thực tiễn, giúp người học hiểu thêm về các vấn đề kinh tế xã hội của Việt Nam và thế giới.  Ngoài ra, các khoa chuyên môn cũng thường xuyên tổ chức cho học viên, sinh viên các đợt thực tập thực tế tại cơ sở, giúp cho người học có thể áp dụng các kiến thức giảng dạy trong nhà trường vào thực tế | Trường Đại học Kinh tế luôn tổ chức các buổi seminar khoa học, các buổi tọa đàm, mời các chuyên gia, các nhà nghiên cứu kinh tế đến trao đổi khoa học cho học viên nhằm trang bị thêm những kiến thức thực tiễn, giúp người học hiểu thêm về các vấn đề kinh tế xã hội của Việt Nam và thế giới.  Ngoài ra, các Viện/khoa đào tạo cũng thường xuyên tổ chức cho học viên, sinh viên các đợt thực tập thực tế tại cơ sở, giúp cho người học có thể áp dụng các kiến thức giảng dạy trong nhà trường vào thực tế |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện | Tiến sĩ Quản trị kinh doanh | Thạc sĩ Quản tri kinh doanh định hướng thực hành | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng nghiên cứu | Cử nhân Quản trị Kinh doanh chất lượng cao |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên học phần và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc sau tiến sỹ để trở thành nhà nghiên cứu và giảng viên cao cấp về lĩnh vực quản trị kinh doanh tại các cơ quan/tổ chức trong và ngoài nước có liên quan. | Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên học phần và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc tiến sỹ để trở thành nhà nghiên cứu và giảng viên cao cấp về lĩnh vực quản trị kinh doanh tại các cơ quan/tổ chức trong và ngoài nước có liên quan. | Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên học phần và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc tiến sỹ để trở thành nhà nghiên cứu và giảng viên cao cấp về lĩnh vực quản trị kinh doanh tại các cơ quan/tổ chức trong và ngoài nước có liên quan. | Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn của các học phần và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc cao học hoặc tiến sỹ để trở thành nhà nghiên cứu và giảng viên về lĩnh vực quản trị kinh doanh tại các cơ quan/tổ chức trong và ngoài nước có liên quan. |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp | ***7.6.2.4. Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp***  Nhóm 1: Giảng viên & nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp  Nhóm 2: Chuyên gia tư vấn cao cấp độc lập trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp  Nhóm 3: Chuyên gia có trình độ cao tại các cơ quan quản lý, hoạch định và tư vấn chính sách, hay các tập đoàn kinh tế.  Nhóm 4: Giám đốc bộ phận phát triển chiến lược hoặc nghiên cứu và phát triển tại các tập đoàn kinh tế trong nước hoặc tập đoàn đa quốc gia. | Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc tiến sỹ để trở thành chuyên gia cao cấp về lĩnh vực quản trị kinh doanh tại các cơ quan/tổ chức trong và ngoài nước có liên quan.  Có thể tiếp tục học tập ở bậc tiến sỹ tại ĐHQGHN với các điều kiện xét tuyển tương ứng theo quy định hoặc có thể tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trong và ngoài nước theo những chuyên ngành phù hợp. | Vị trí việc làm: Tốt nghiệp chương trình thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh định hướng nghiên cứu, người học có thể đảm nhiệm một trong số các vị trí công tác sau:  **Nhóm 1:** Giảng viên ngành Quản trị kinh doanh tại các trường đại học và viện nghiên cứu cũng như các tổ chức khoa học và công nghệ khác  **Nhóm 2:** Nghiên cứu viên tại các trường đại học và viện nghiên cứu cũng như các tổ chức khoa học và công nghệ khác. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên học phần và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc tiến sỹ để trở thành nhà nghiên cứu và giảng viên cao cấp về lĩnh vực quản trị kinh doanh tại các cơ quan/tổ chức trong và ngoài nước có liên quan.  Có thể tiếp tục học tập ở bậc tiến sỹ tại ĐHQGHN với các điều kiện xét tuyển tương ứng theo quy định hoặc có thể tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trong và ngoài nước theo những chuyên ngành phù hợp. | Các vị trí việc làm sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp  * **Nhóm 1 -  Chuyên viên (chuyên viên marketing, bán hàng, nhân sự, kế toán...):** Có khả năng thích ứng trong môi trường công việc có tính cạnh tranh cao, có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, tổ chức khác trong và ngoài nước; có thể đảm nhận các công việc như bán hàng, marketing, tài chính, nhân sự....; triển vọng phát triển trong tương lai có thể tiếp tục theo học ở bậc học cao hơn để trở thành trưởng các phòng/ban, giám đốc bộ phận và dự án, giám đốc, tổng giám đốc. * **Nhóm 2 - Trợ lý và thư ký:** Có khả năng đảm nhận công việc trợ lý hoặc thư ký ban giám đốc, hội đồng quản trị, trợ lý giám đốc của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và các tổ chức khác trong và ngoài nước; có thể đảm nhận các công việc: trợ lý phân tích, tổng hợp các báo cáo và tham mưu về các mảng hoạt động trong doanh nghiệp như chiến lược kinh doanh, nhân lực, marketing, tài chính, hỗ trợ trong giao dịch với đối tác, sắp xếp kế hoạch công tác cho lãnh đạo...; triển vọng trong tương lai có thể tiếp tục theo học ở bậc học cao hơn để trở thành trưởng các bộ phận/phòng, ban, giám đốc bộ phận, giám đốc, tổng giám đốc. * **Nhóm 3 – Doanh nhân:** Có khả năng tự khởi nghiệp, tạo lập và điều hành quản lý doanh nghiệp rất nhỏ, nhỏ và vừa; triển vọng trong tương lai có thể tiếp tục theo học ở bậc học cao hơn để trở thành chuyên gia, cố vấn cho các doanh nghiệp trong nước và quốc tế.  5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn của các học phần và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc cao học hoặc tiến sỹ để trở thành nhà nghiên cứu và giảng viên về lĩnh vực quản trị kinh doanh tại các cơ quan/tổ chức trong và ngoài nước có liên quan.  Có thể tiếp tục học tập ở bậc cao học hoặc tiến sỹ tại ĐHQGHN với các điều kiện xét tuyển tương ứng theo quy định hoặc có thể tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trong và ngoài nước theo những chuyên ngành phù hợp. |